

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Toan
Giảng viên hướng dẫn: Th/tr - Dương Văn Biên

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên Phạm Thị Toan
Giảng viên hướng dẫn: Th/tr - Dương Văn Biên**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Toan

Mã SV: 110055

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí
và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH
vận tải - thương mại Minh Phúc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGU' T *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP.....	1
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh..1	
1.1.1 Những vấn lý luận về doanh thu.....1	1
1.1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của doanh thu.....1	1
❖ Khái niệm doanh thu.....1	1
❖ Đặc điểm của doanh thu.....1	1
1.1.1.2 Phân loại doanh thu trong doanh nghiệp.....2	2
1.1.1.3 Vai trò của doanh thu trong doanh nghiệp.....3	3
1.1.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu.....3	3
1.1.1.5 Phương pháp xác định doanh thu.....4	4
1.1.2 Những vấn đề lý luận về chi phí.....5	5
1.1.2.1 Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của chi phí.....5	5
❖ Khái niệm.....5	5
❖ ý nghĩa, vai trò của chi phí.....5	5
1.1.2.2 Phân loại chi phí trong doanh nghiệp.....5	5
❖ Giá vốn hàng bán.....6	6
❖ Chi phí bán hàng.....6	6
❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp.....7	7
❖ Chi phí hoạt động tài chính.....8	8
❖ Chi phí hoạt động khác.....8	8
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....9	9
1.1.3.1 Khái niệm, ý nghĩa, mục đích xác định kết quả kinh doanh.....9	9
❖ Khái niệm, mục đích xác định kết quả kinh doanh.....9	9
❖ Ý nghĩa và vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh.....10	10

1.1.3.2 Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh.....	10
1.1.3.3 Sự cần thiết phải xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh....	11
1.2 Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.....	11
1.2.1 Hạch toán kế toán doanh thu.....	11
1.2.1.1 Nguyên tắc hạch toán doanh thu.....	11
1.2.1.2 Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu đối với các hoạt động.....	13
❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
❖ Các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
❖ Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	15
❖ Kế toán doanh thu hoạt động khác.....	17
1.2.1.3 Hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu.....	18
❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	18
❖ Doanh thu hoạt động tài chính.....	20
❖ Các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
❖ Các khoản thu nhập khác.....	21
1.2.2 Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.....	22
1.2.2.1 Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.....	22
1.2.2.2 Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.....	23
❖ Giá vốn hàng bán.....	23
❖ Chi phí quản lý kinh doanh.....	23
❖ Chi phí tài chính.....	26
❖ Chi phí khác.....	26
1.2.2.3 Hạch toán kế toán tổng hợp giá vốn và các chi phí có liên quan.....	29
❖ Giá vốn hàng bán.....	29
❖ Chi phí quản lý kinh doanh.....	31
❖ Chi phí hoạt động tài chính.....	35

❖ Chi phí khác.....	36
1.2.3 Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	38
1.2.3.1 Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	38
❖ Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	38
❖ Hạch toán kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh.....	38
❖ Hạch toán kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.....	39
1.2.3.2 Hạch toán kế toán lợi nhuận chưa phân phối.....	41
❖ Hạch toán kế toán chi tiết lợi nhuận chưa phân phối.....	41
1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp.....	42
❖ Hình thức chứng từ ghi sổ.....	42
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC.....	45
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc....	45
2.2.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	45
2.1.2 Chức năng của ngành nghề kinh doanh.....	46
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....	46
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	48
2.1.5 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty.....	49
2.1.6 Tình hình kết quả hoạt động KD của công ty trong 3 năm.....	51
2.2 Thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.....	53
2.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	53
2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu của công ty.....	53
2.2.1.2 Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng.....	54
2.2.1.3 Quy trình hạch toán.....	55
2.2.1.4 Kế toán tổng hợp doanh thu.....	64
2.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi phí.....	64
2.2.2.1 Kế toán giá vốn.....	64

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	74
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	81
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	85
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	92
2.2.6.1 Hạch toán xác định KQKD tháng 12/2010.....	95
2.2.6.2 Hạch toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.....	96
2.2.6.3 Hạch toán xác định lợi nhuận chưa phân phối.....	97
2.3 Tổ chức lập báo cáo tài chính.....	98
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC.....	99
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.....	99
3.1.1 Đánh giá chung.....	99
3.1.2 Một số ưu điểm của công ty.....	101
3.1.3 Một số hạn chế của công ty.....	103
3.2 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.....	105
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	105
3.2.2 Phương hướng hoàn thiện.....	106
3.2.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.....	106
Kết luận.....	113

DANH MỤC VIẾT TẮT

- Công ty TNHH VT&TM Minh Phúc: Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải - thương mại Minh Phúc.

- DT : Doanh thu
- CP : Chi phí
- XĐKQKD : Xác định kết quả kinh doanh
- GTGT : Giá trị gia tăng
- CT : Chứng từ
- NT : Ngày tháng
- TK : Tài khoản
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Hoạt động SXKD : Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thuế TTĐB : Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế XK : Thuế xuất khẩu
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....19

Sơ đồ 1.2 Trình tự hạch toán doanh thu hoạt tài chính.....	20
Sơ đồ 1.3 Trình tự hạch toán thu nhập khác.....	21
Sơ đồ 1.4 Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
Sơ đồ 1.5 Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán.....	29
Sơ đồ 1.6 Trình tự hạch toán chi phí bán hàng.....	31
Sơ đồ 1.7 Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	33
Sơ đồ 1.8 Trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	35
Sơ đồ 1.9 Trình tự hạch toán chi phí khác.....	36
Sơ đồ 1.10a Trình tự hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành..	36
Sơ đồ 1.10b Trình tự hạch toán chi phí thuế thu nhập hoãn lại.....	37
Sơ đồ 1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	44
Sơ đồ 2.1.3 Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty.....	48
Sơ đồ 2.1.4 Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	50
Sơ đồ 2.1.5 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	53
Sơ đồ 2.2.1 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..	55
Sơ đồ 2.2.2 Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn.....	66
Sơ đồ 2.2.3 Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính.....	75
Sơ đồ 2.2.4 Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	82
Sơ đồ 2.2.5 Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	86

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

1.1. 1 Những vấn đề lý luận về doanh thu

1.1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của doanh thu

❖ *Khái niệm doanh thu:*

Doanh thu: Là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

❖ *Đặc điểm của doanh thu:*

Khi bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ, doanh thu phát sinh dưới dạng tiền hoặc khoản chấp nhận cho nợ (cho nợ: là sự cam kết của khách hàng sẽ trả tiền hàng hay dịch vụ ở một thời điểm được ấn định trong tương lai).

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ

thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

Doanh thu phải được theo dõi riêng theo từng loại: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng thứ doanh thu như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Phân loại doanh thu trong doanh nghiệp

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền ghi trên hoá đơn bán hàng hay hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu trợ cấp, trợ giá: Bao gồm các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: Bao gồm doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư

1.1.1.3 Vai trò của doanh thu trong doanh nghiệp

Doanh thu có ý nghĩa rất quan trọng. Doanh thu là cơ sở để có kết quả kinh doanh, nó có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Nói đến doanh thu, trước hết ta phải nói đến quá trình tiêu thụ của doanh nghiệp. Vì vậy, nếu tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Qua quá trình tiêu thụ, doanh nghiệp thu về khoản doanh thu bán hàng. Đó chính là nguồn thu quan trọng, chủ yếu để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn đã bỏ ra, có tiền để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, công nhân viên và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ, có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con.

Doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất nhập khẩu, thuế TTĐB. được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh

thu được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp.

- Chiết khấu thương mại: là các khoản tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do người mua đã mua (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn, theo thoả thuận CKTM đã ghi nhận trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: là giá trị số hàng đã coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền, được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất,
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.
- Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu: là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho đối tượng tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ; cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ đó.

1.1.1.5 Phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập

khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện đã ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

Với sản phẩm hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế GTGT)

Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu)

Doanh thu nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công

1.1.2 Những vấn đề lý luận về chi phí

1.1.2.1 Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của chi phí

❖ Khái niệm

Chi phí là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

❖ Ý nghĩa, vai trò của chi phí

Chi phí là yếu tố để tạo ra doanh thu, nó được đối trừ với doanh thu để xác định kết quả kinh doanh, do đó cũng như doanh thu nó được trình bày theo tính chất của các hoạt động mà nó được phát sinh ra từ hoạt động đó.

Chi phí trong doanh nghiệp được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, phản ánh giá trị hàng hoá, vật tư mua vào, trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ bán ra; phản ánh chi phí tài chính; phản ánh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc các ngành và các thành phần kinh tế.

Chi phí có vai trò quan trọng trong các doanh nghiệp vì chi phí là các khoản mà công ty phải chi trả cho các hoạt động tài chính. Nếu công ty biết cách chi tiêu hợp lý sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp công ty thu được lợi nhuận cao nhất

1.1.2.2 Phân loại chi phí trong doanh nghiệp

❖ Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (Trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đối với Doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (đối với Doanh nghiệp thương mại).

❖ Chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).
- Chi phí vật liệu, bao bì: các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, phương tiện vận chuyển,
- Chi phí bảo hành sản phẩm: các khoản chi phí để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định về bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý, ...
- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng,

❖ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp.***

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như:

- Chi phí nhân viên quản lý: tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban Giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn, ...
- Thuế, phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà đất, đất, thuế môn bài, ... và các khoản phí, lệ phí cầu cảng, cầu phí, lệ phí giao thông, ...

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng trợ cấp mất việc làm, dự phòng phải thu (không gồm dự phòng phải thu về các khoản bảo hành).
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: khoản chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác: khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác ...

❖ **Chi phí hoạt động tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ **Chi phí hoạt động khác**

Chi phí khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra; có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên của năm trước.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: Là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ trong năm và hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm, ý nghĩa, mục đích xác định kết quả kinh doanh.

❖ *Khái niệm, mục đích xác định kết quả kinh doanh:*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

Lợi nhuận khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Mục đích của việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là để đánh giá về kết quả kinh doanh có thể là lãi hoặc lỗ, về hiệu quả quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Từ kết quả đó sẽ được phân phối, sử dụng theo những mục đích nhất định theo quy định của cơ chế tài chính như: Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, chia lãi cho các bên liên doanh, chia cổ tức cho các cổ đông, để lại cho doanh nghiệp hình thành các quỹ và bổ sung nguồn vốn.

Công thức xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Chi phí (Giá vốn, CPBH, CPQLDN)} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

❖ *Ý nghĩa và vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh:*

Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định doanh thu và chi phí trong kỳ của doanh nghiệp nói riêng. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kế toán doanh thu, chi phí luôn gắn liền với việc xác định kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh ngoài việc là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước mà còn là số liệu thông tin cho các nhà đầu tư, ngân hàng, các đối tượng liên quan xem xét có nên đầu tư nữa hay không. Do vậy, với bất kỳ một doanh nghiệp nào, các công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn luôn đóng vai trò quan trọng, nó có tính chất sống còn đối với các doanh nghiệp.

1.1.3.2. Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh.

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ. Kết quả kinh doanh được tập hợp từ các doanh thu và các chi phí, bao gồm:

- Các loại doanh thu như: Doanh thu hoạt động sản xuất chính, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động khác.

- Các chi phí như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí hoạt động khác.

Cuối kỳ kế toán, các doanh thu và chi phí trên được tập hợp lại và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

1.1.3.3. Sự cần thiết phải xác định kết quả kinh doanh.

Cùng với việc hạch toán doanh thu, chi phí thì xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho ta biết được trong kỳ kế toán đó công ty được lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.2. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

1.2.1. Hạch toán kế toán doanh thu.

1.2.1.1. Nguyên tắc hạch toán doanh thu.

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, chuẩn mực cũng quy định: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động SXKD. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

1.2.1.2. Hạch toán kế toán chi tiết doanh thu đối với các hoạt động.

❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường- Mẫu số 02 GTKT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 14- BH)
- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 15- BH)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...)
- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng”

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu, hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán; - Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ; - Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ; - Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118- Doanh thu khác

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

➤ *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại; Hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán; Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5211- Chiết khấu thương mại: Phản ánh số tiền giảm giá cho người mua hàng với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc chứng từ khác liên quan đến bán hàng.
- + Tài khoản 5212- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị sản phẩm hàng hoá hay dịch vụ đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản trong hợp đồng như hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- + Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- + Thuế xuất khẩu: Là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.
- + Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: Là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, doanh nghiệp đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phát sinh trong kỳ	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

❖ **Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi từ cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư chứng khoán, lãi tỷ giá, lãi chuyển nhượng vốn; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý nhượng bán các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết; Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

➤ *Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, giấy báo có ngân hàng, bản sao kê của ngân hàng...
- Sổ theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN)
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua...

➤ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.	Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. Gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn....
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Kế toán doanh thu hoạt động khác.**

Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên.

Nội dung của thu nhập khác được quy định tại Chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra.

➤ *Các chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Biên bản thanh lý Tài sản cố định;
 - Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua;
 - Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng;
 - Sổ chi tiết thuế GTGT được hoàn lại;
 - Sổ quỹ, sổ thu tiền...
- *Tài khoản sử dụng:* Tất cả các khoản thu nhập khác nêu trên, phát sinh trong kỳ được hạch toán vào TK 711.

Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có). - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng, Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra....
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Hạch toán kế toán tổng hợp doanh thu.

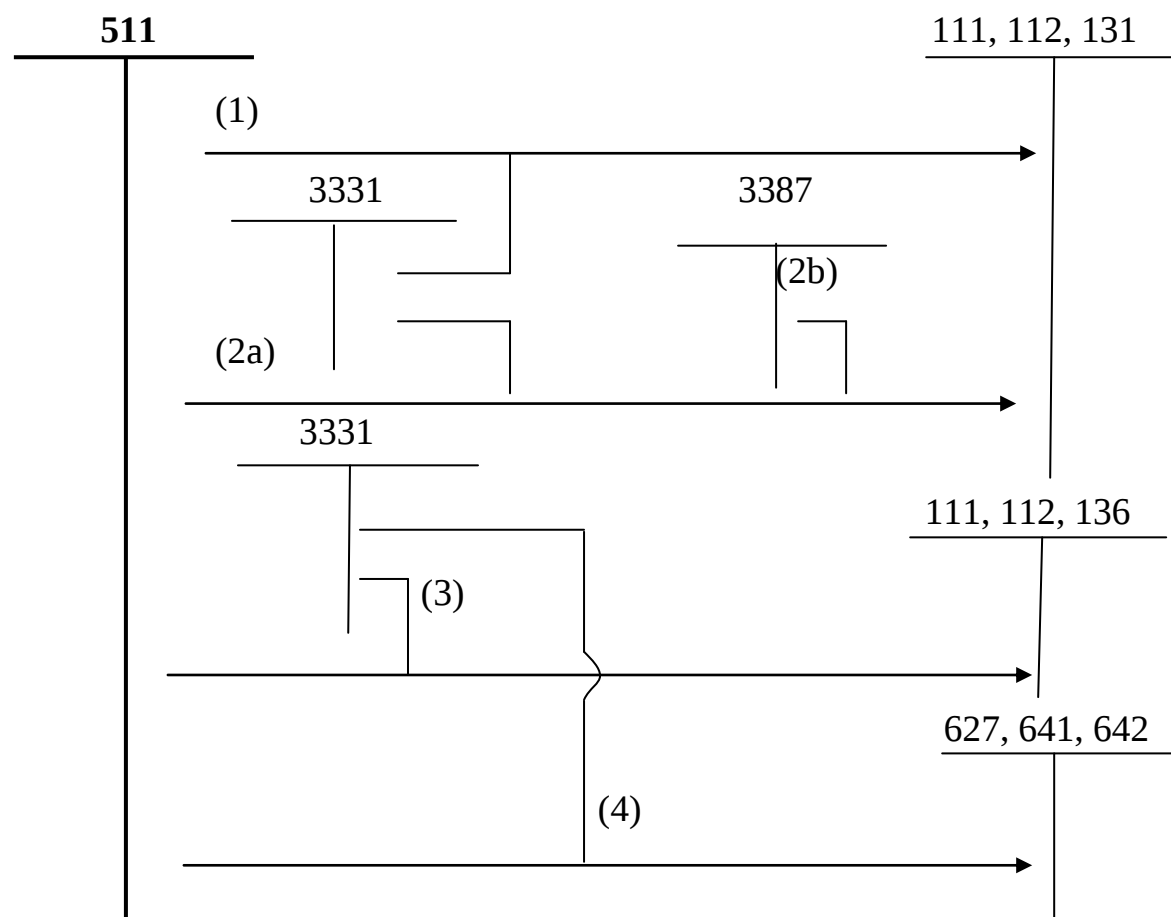
❖ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Để hạch toán kế toán quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tùy thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp, yêu cầu quản lý và quy định của Nhà nước mà doanh nghiệp có thể áp dụng các phương pháp kế toán: Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp.

Trên thực tế hiện nay các doanh nghiệp chủ yếu áp dụng *phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*, và sử dụng một trong hai phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ thuế GTGT và phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT.

** Đối với DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.*

Sơ đồ 1.1 : Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

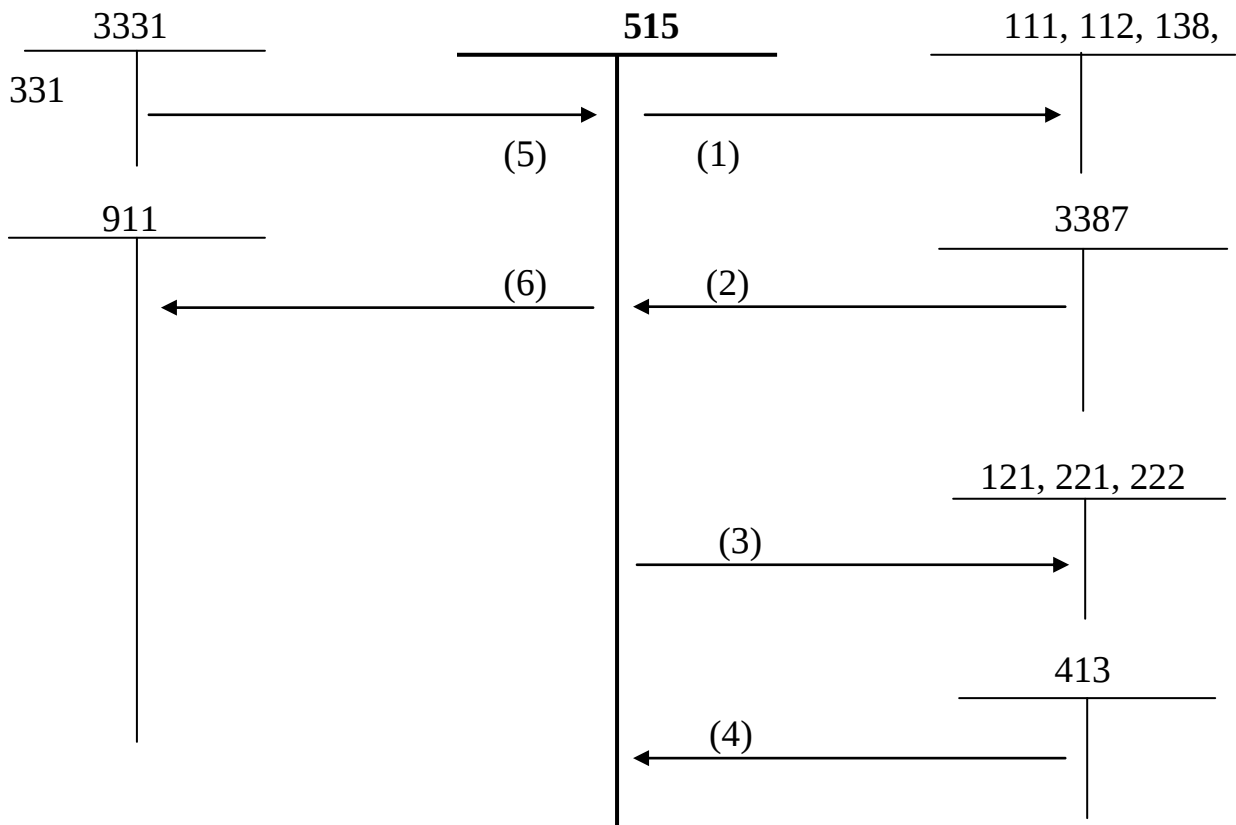


Giải thích sơ đồ:

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- (2a) Doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp
- (2b) Lãi bán hàng trả góp
- (3) Đơn vị trực thuộc bán hàng cho đơn vị cấp trên
- (4) Hàng được xuất dùng cho các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá không thuộc diện chịu thuế GTGT.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Sơ đồ 1.2 : Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



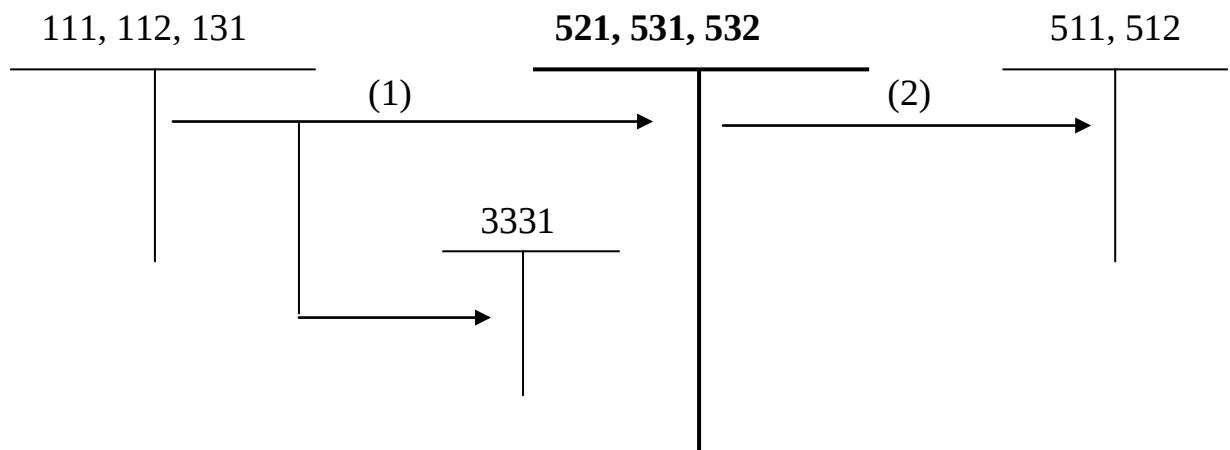
Giải thích sơ đồ:

- (1) Thu nhập hoạt động tài chính, nhận được thông báo lãi chứng khoán, lãi do bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán được hưởng,....
- (2) Phân bổ dần lãi do bán hàng trả chậm, lãi nhận trước.

- (3) Thu nhập về lợi nhuận được bổ sung vốn góp liên doanh, lãi cho vay, lãi kinh doanh chứng khoán bổ sung mua chứng khoán.
- (4) Kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ và đánh giá lại cuối kỳ (sau khi đã bù trừ).
- (5) Xác định thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động tài chính (nếu có).
- (6) Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

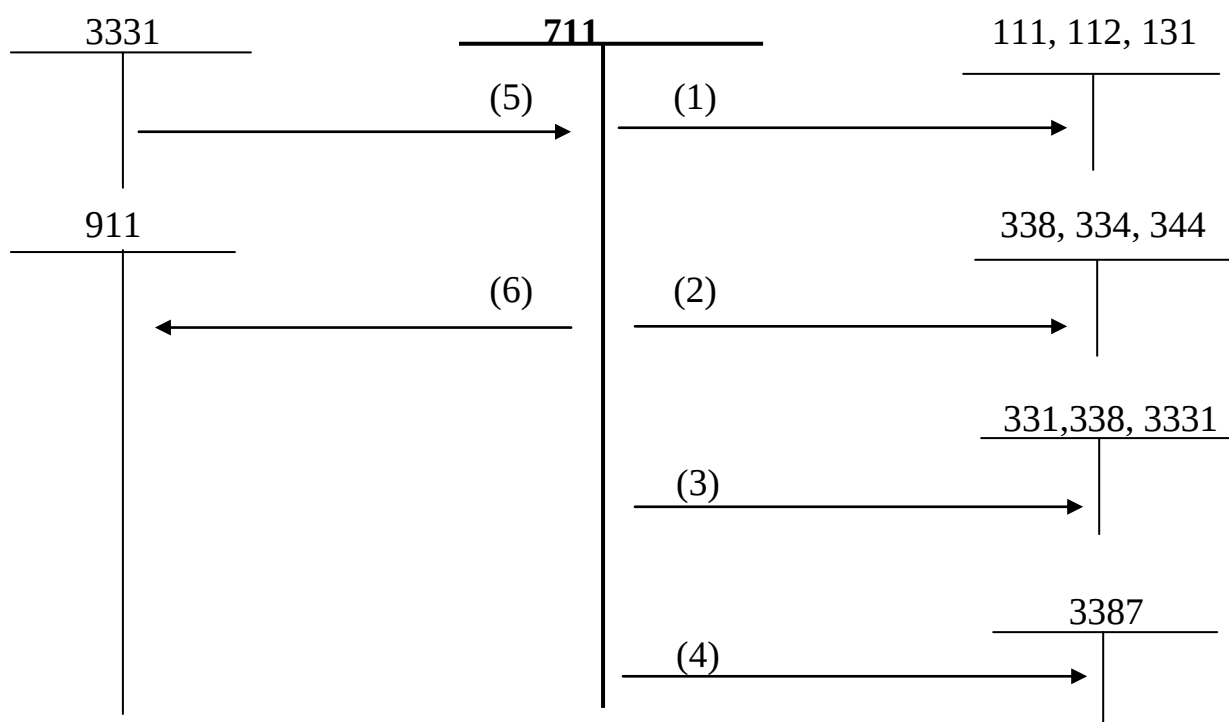


Giải thích sơ đồ:

- (1) Các khoản Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho khách hàng và thanh toán cho người mua số tiền của hàng bán bị trả lại
- (2) Cuối kỳ, kết chuyển các khoản giảm trừ sang tài khoản 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần.

❖ **Các khoản thu nhập khác**

Sơ đồ 1.3 : Trình tự hạch toán thu nhập khác



Giải thích sơ đồ:

- (1) Thu về thanh lý TSCĐ, thu phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, tiền bảo hiểm được các tổ chức bảo hiểm bồi thường, nợ khó đòi đã xử lý sau đó thu được nợ.
- (2) Khoản tiền phạt khách hàng khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn, khấu trừ vào lương của CB – CNV.
- (3) Các khoản nợ phải trả mà chủ nợ không đòi được tính vào thu nhập khác, số thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế GTGT phải nộp trong kỳ.
- (4) Định kỳ phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác
- (5) Xác định thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác (nếu có).
- (6) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh

1.2.2. Hạch toán kế toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan:

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên,

hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Khi doanh nghiệp đã lựa chọn phương pháp hạch toán hàng tồn kho nào để áp dụng tại doanh nghiệp, thì phương pháp đó phải được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Đối với các tài khoản dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh và tính giá thành sản phẩm dịch vụ, ngoài việc hạch toán tổng hợp còn phải hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí: Phân xưởng, tổ, đội sản xuất, bộ phận sản xuất, theo sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ,...

Đối với những chi phí sản xuất, kinh doanh không có khả năng hạch toán trực tiếp vào các đối tượng chịu phí như: Chi phí sản xuất chung, chi phí tưới tiêu nước, chi phí chuẩn bị đất...thì phải tập hợp các chi phí này vào tài khoản tập hợp chi phí sau đó tiến hành phân bổ chi phí sản xuất, kinh doanh đã tập hợp cho các đối tượng chịu chi phí theo các tiêu thức phù hợp.

1.2.2.2. Hạch toán kế toán chi tiết giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

❖ Giá vốn hàng bán.

➤ ***Chứng từ sử dụng:*** Khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua phải có các chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán, đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02- GTGT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Hoá đơn bán hàng giao thẳng, Báo cáo bán hàng
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Bảng thanh toán hàng đại lý
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

Các chứng từ phải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ thì mới được phép ghi sổ.

- **Tài khoản sử dụng:** Để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, kế toán sử dụng TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

- Giá vốn hàng đã bán.	- Hoàn nhập khoản dự phòng.
- Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.	- Kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh**

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi (Mẫu số 02- TT)
- Bảng phân bổ lương và BHXH (Mẫu số 11- LĐTL)

- **Tài khoản sử dụng:** Để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, kế toán sử dụng TK 6421 “Chi phí bán hàng”, TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

✚ **Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hoá, dịch vụ như: Tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, bảo quản, đóng gói, vận chuyển...; khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng...; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác như quảng cáo, giao dịch, giao hàng, hoa hồng bán hàng...

Về nguyên tắc: Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được tính hết vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ kế toán để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 6421 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 6421 “ Chi phí bán hàng”

Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.	Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “ Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 64211: Chi phí nhân viên.
- TK 64212: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 64213: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 64214: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 64215: Chi phí bảo hành.
- TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 64218: Chi phí khác bằng tiền.

 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp như: Tiền lương và các chi phí tính theo lương của ban giám đốc và nhân viên

quản lý ở các phòng ban, chi phí vật liệu đồ dùng cho văn phòng,...; khấu hao TSCĐ, các khoản thuế, phí, lệ phí.... Về nguyên tắc: Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ cũng được tính vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán. Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 142 “ Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 64225: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 64226: Chi phí dự phòng.
- TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 64228: Chi phí khác bằng tiền.

❖ **Chi phí tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính” dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

Các khoản chi phí hoạt động tài chính. Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

❖ **Chi phí khác.**

Chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản chi phí khác.

Tài khoản 811 “ Chi phí khác” dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Tài khoản 811 “ Chi phí khác”

- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong

năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm báo cáo tài chính.

Tài khoản 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

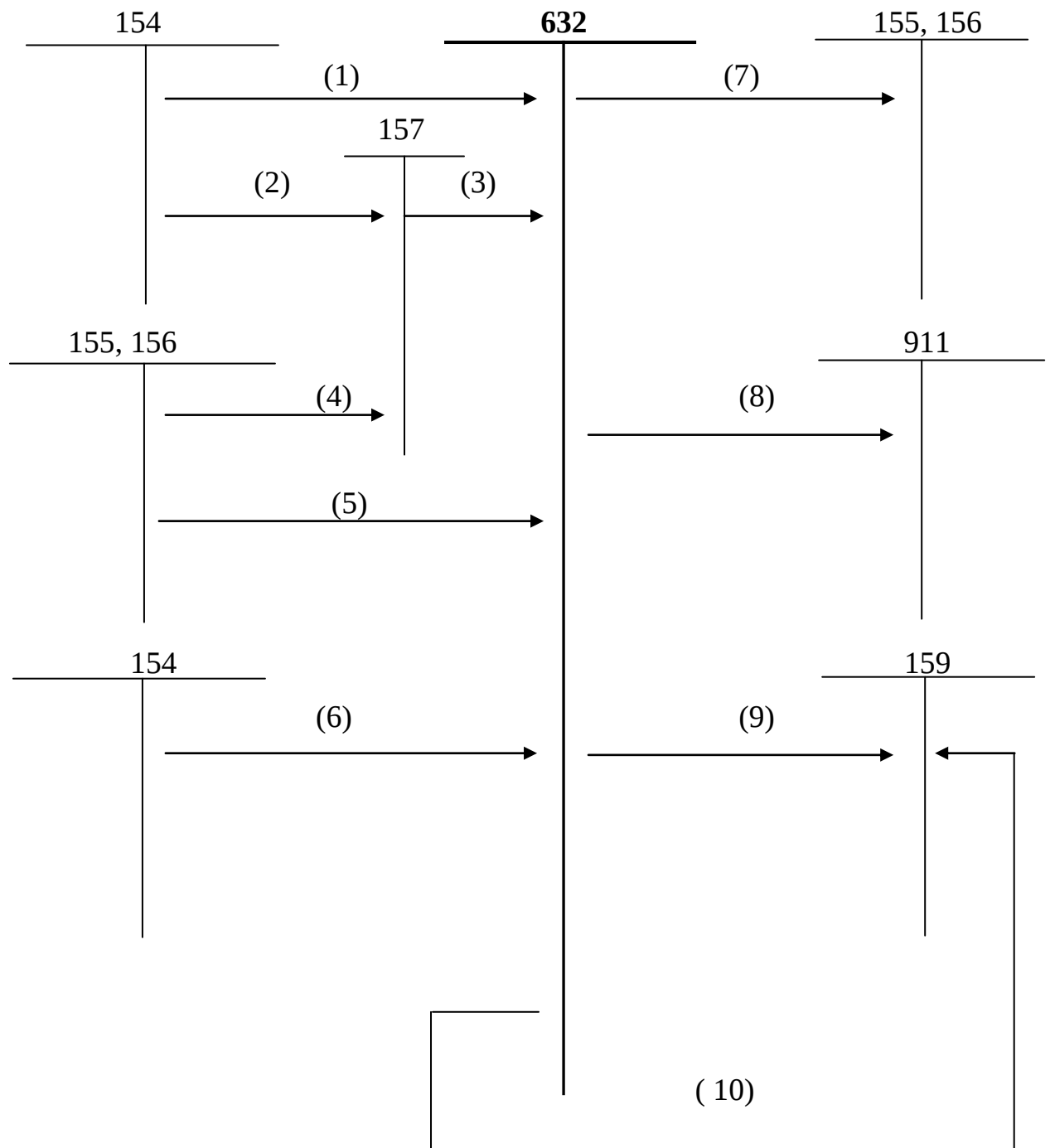
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm). - Số hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (Là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm) - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ và bên Có TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.	- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - K/C chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên nợ TK911- “Xác định kết quả kinh doanh”. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm) - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập phải trả phát sinh trong năm. - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212-“Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

1.2.2.3. Hạch toán kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán và các chi phí liên quan.

❖ **Giá vốn hàng bán.**

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

Sơ đồ 1.5 : Trình tự hạch toán kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



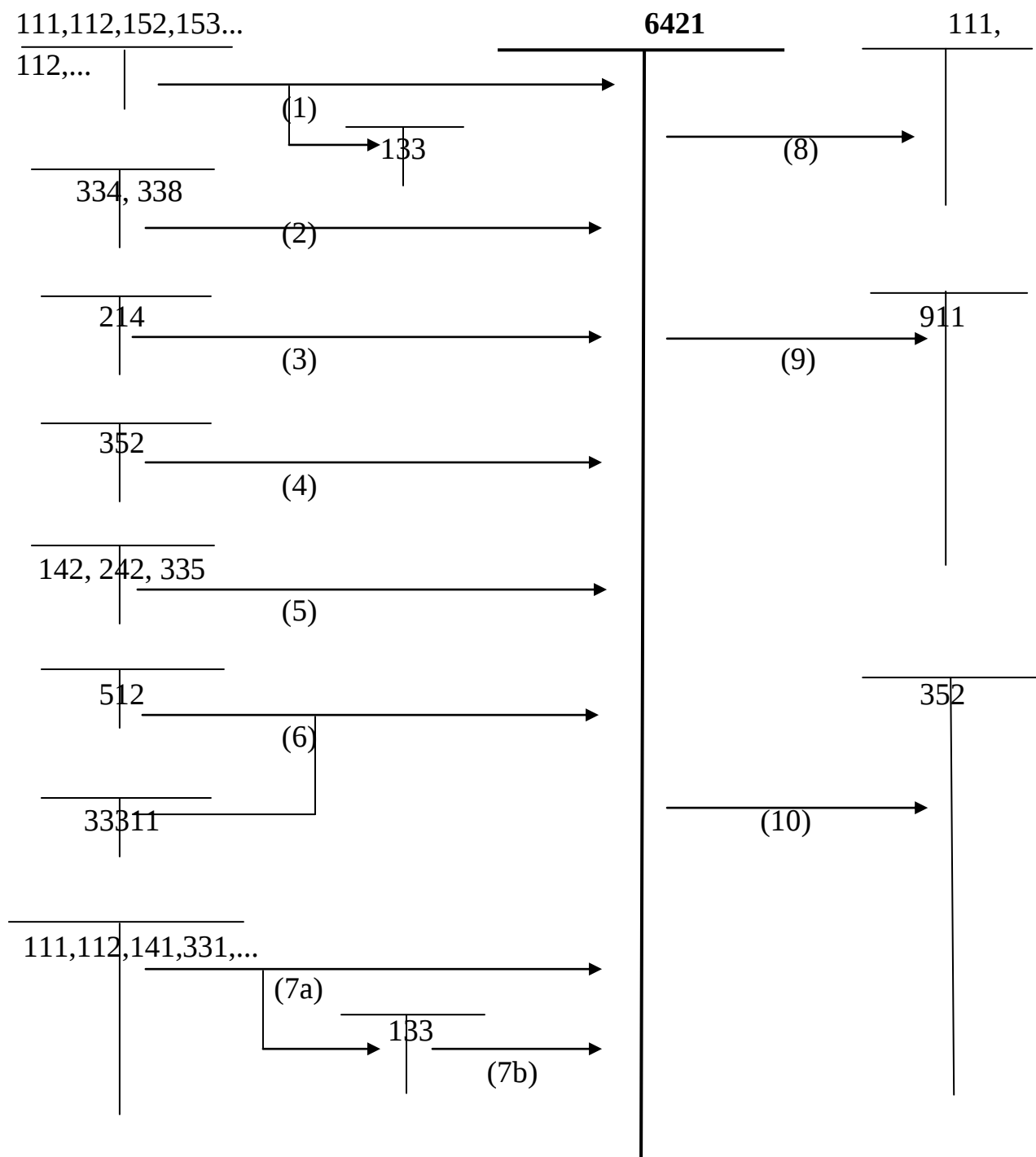
Giải thích sơ đồ:

- (1) Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho.
- (2) Thành phẩm sản xuất ra gửi bán không qua nhập kho.
- (3) Khi hàng gửi bán được xác định là tiêu thụ.
- (4) Thành phẩm hàng hoá xuất kho gửi bán.
- (5) Xuất kho thành phẩm, hàng hoá để bán.
- (6) Cuối kỳ kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kỳ.
- (7) Thành phẩm, hàng hoá bị trả lại nhập kho.
- (8) Kết chuyển giá vốn hàng bán và các chi phí khi xác định kết quả kinh doanh
- (9) Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (10) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh.**

➤ **Chi phí bán hàng.**

Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng

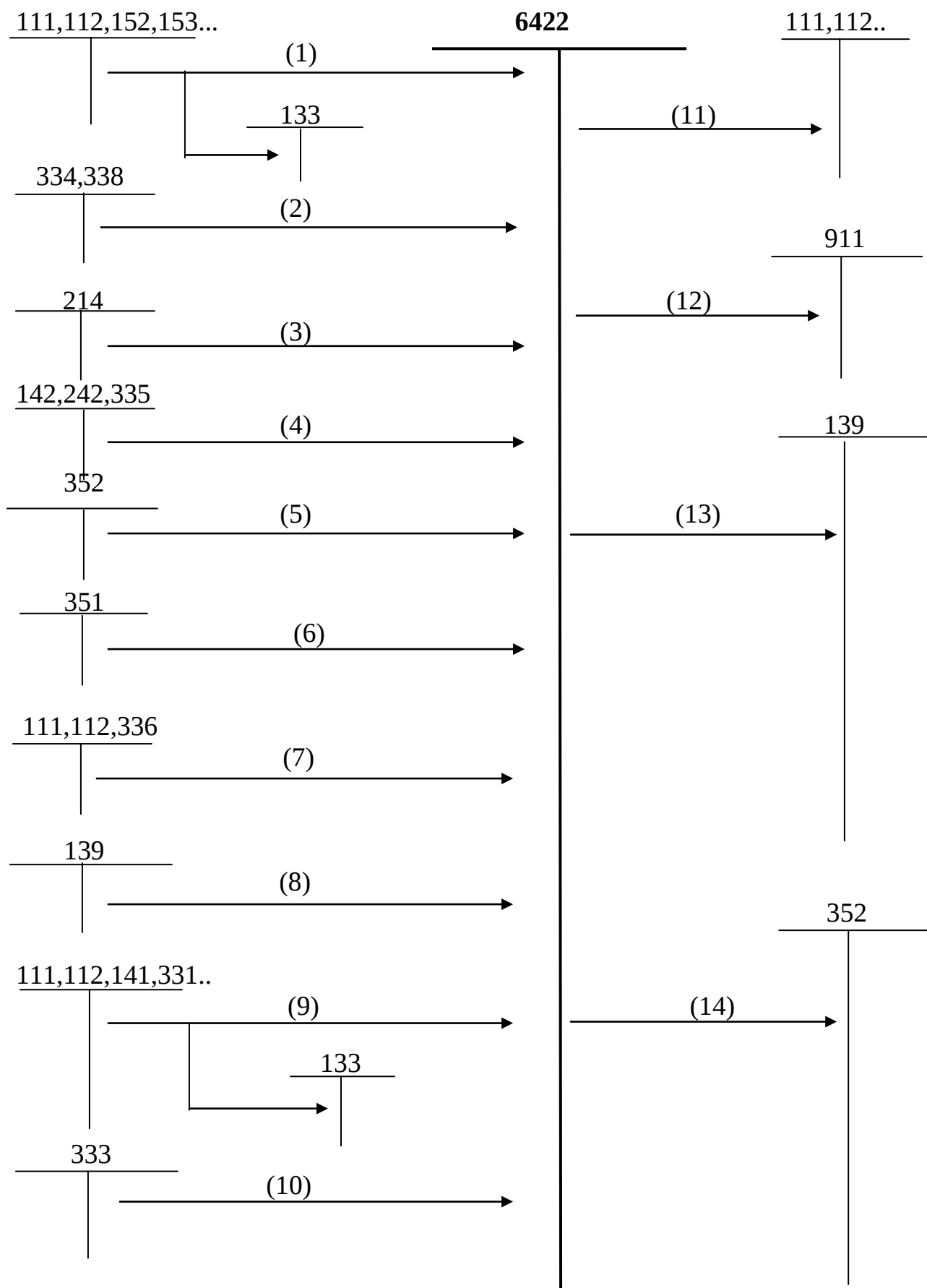


Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí vật liệu, dụng cụ.
- (2) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương.
- (3) Chi phí khấu hao TSCĐ.
- (4) Dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Thành phẩm, hàng hoá dịch vụ sử dụng nội bộ.
- (7a) Chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.
- (7b) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu được tính vào chi phí bán hàng.
- (8) Các khoản thu giảm chi.
- (9) Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- (10) Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

➤ *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Sơ đồ 1.7 : Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

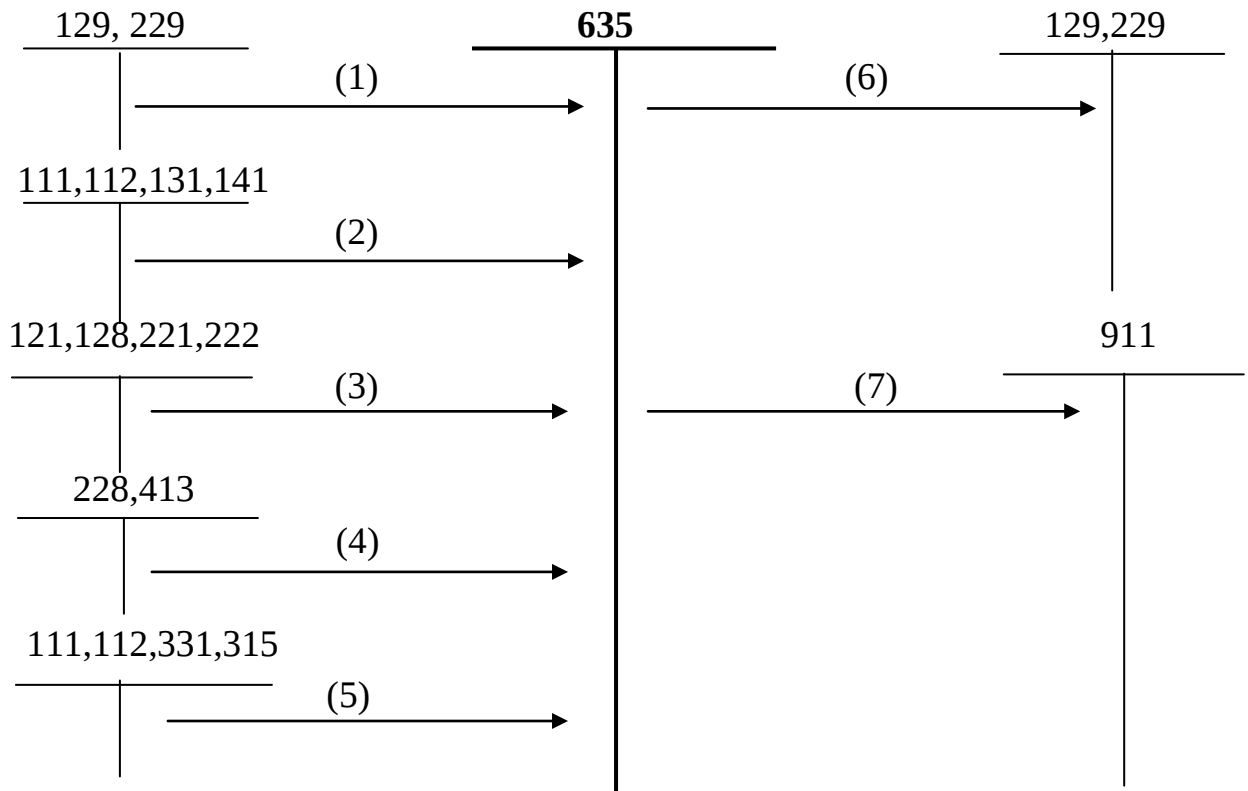


Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí công cụ dụng cụ.
- (2) Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương.
- (3) Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- (4) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (5) Dự phòng phải trả về tái cơ cấu doanh nghiệp. Hợp đồng có rủi ro lớn, dự phòng phải trả khác.
- (6) Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.
- (7) Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cho cấp trên.
- (8) Dự phòng phải thu khó đòi.
- (9) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- (10) Thuế môn bài, tiền thuế đất phải nộp NSNN.
- (11) Các khoản thu giảm chi.
- (12) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định KQKD trong kỳ.
- (13) Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập năm nay.
- (14) Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá.

❖ **Chi phí tài chính**

Sơ đồ 1.8 : Trình tự hạch toán kế toán chi phí tài chính

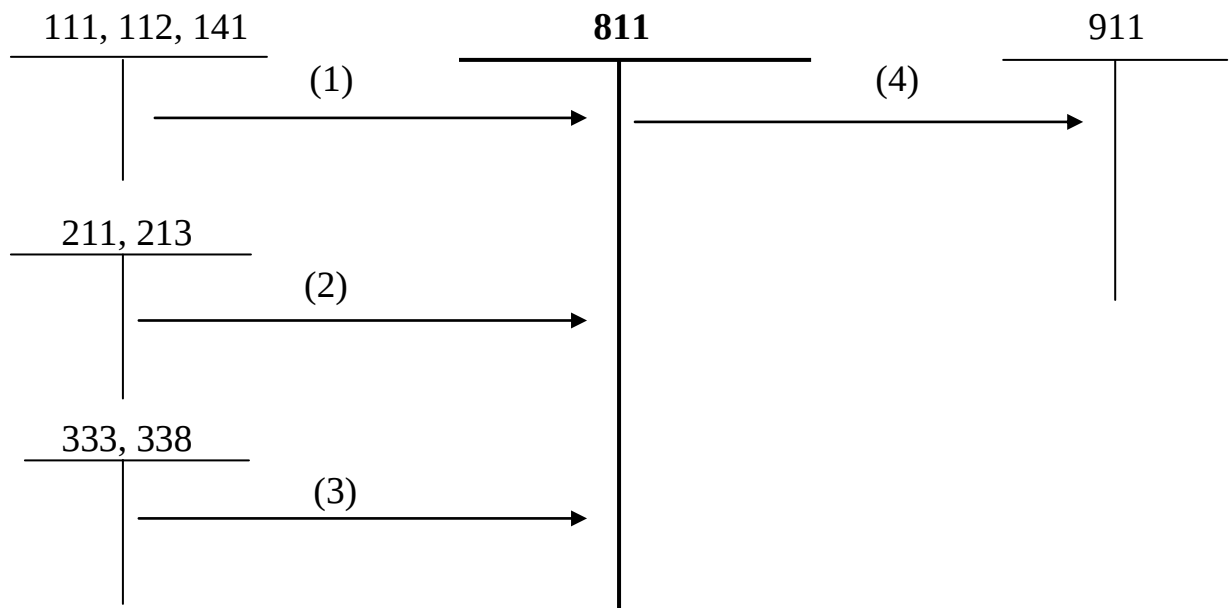


Giải thích sơ đồ:

- (1) Lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn (lập lần đầu, lập bổ sung).
- (2) Khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá, dịch vụ được hưởng.
Chi phí phát sinh do hoạt động vay vốn, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí hoạt động tài chính; số lỗ về tỷ giá do bán ngoại tệ.
- (3) Số lỗ về đầu tư thu hồi (số tiền thực thu nhỏ hơn số vốn đầu tư thu hồi).
- (4) Kết chuyển lỗ do chênh lệch tỷ giá; trị giá vốn đầu tư bất động sản.
- (5) Lãi tiền vay đã trả hoặc phải trả.
- (6) Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- (7) Kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí khác**

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán kế toán chi phí khác

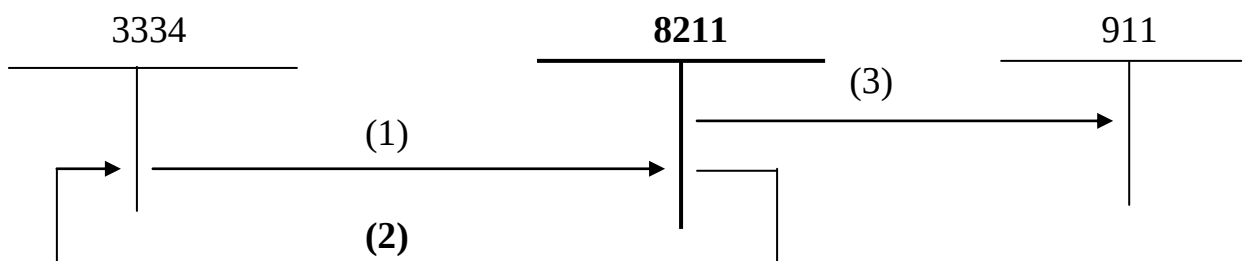


Giải thích sơ đồ:

- (1) Chi phí phát sinh khi khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- (2) Giá trị còn lại của TSCĐ mang đi thanh lý, nhượng bán.
- (3) Tiền phạt phải nộp về vi phạm hợp đồng kinh tế, phải nộp về khoản doanh nghiệp bị truy thu thuế.
- (4) Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

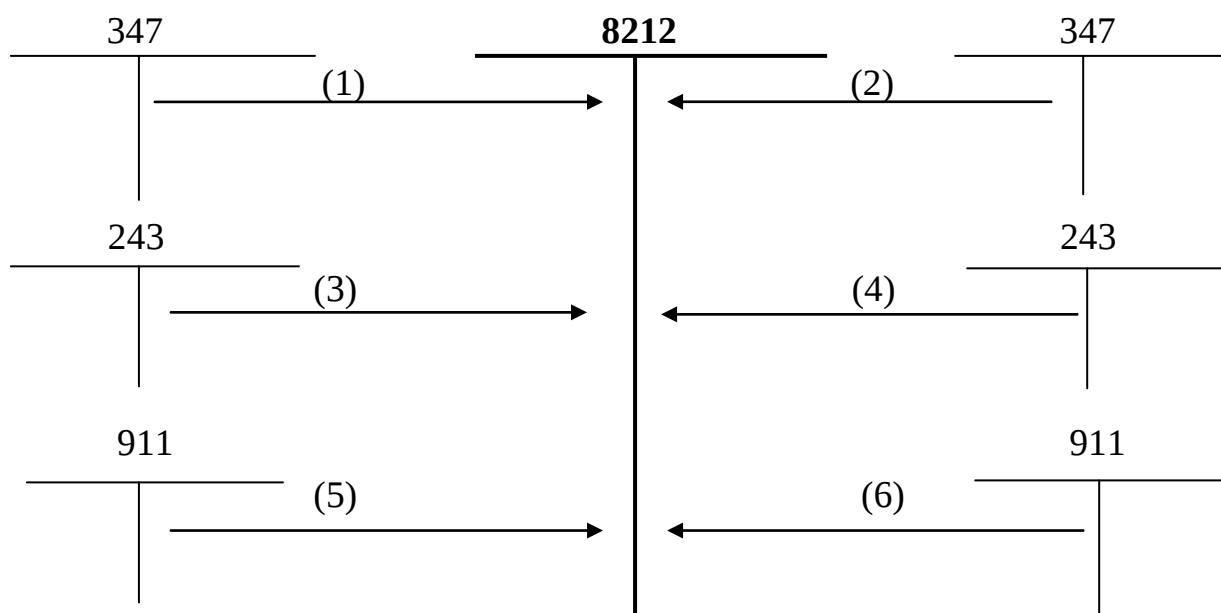
Sơ đồ 1.10 a : Trình tự hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Giải thích sơ đồ:

- (1) Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ do doanh nghiệp tự xác định.
- (2) Số chênh lệch giữa thuế TNDN tạm phải nộp lớn hơn số phải nộp.
- (3) Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành.

Sơ đồ 1.10b : Trình tự hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



Giải thích sơ đồ:

- (1) Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.
 - (2) Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.
 - (3) Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh nhỏ hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
 - (4) Số chênh lệch giữa số tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh lớn hơn số tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.
 - (5) Kết chuyển chênh lệch số phát sinh Có lớn hơn số phát sinh Nợ TK8212.
- Kết chuyển chênh lệch số phát sinh Có nhỏ hơn số phát sinh Nợ TK8212

1.2.3. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.1. Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

Xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hoá, từng loại dịch vụ. Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

❖ Hạch toán kế toán chi tiết xác định kết quả kinh doanh.

Khái niệm: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất- kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Sổ sách ghi chép:

- Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (S36- DN)
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái TK 632, 641, 642, 511, 515, 711, 811, 821, 911, 421...

➤ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

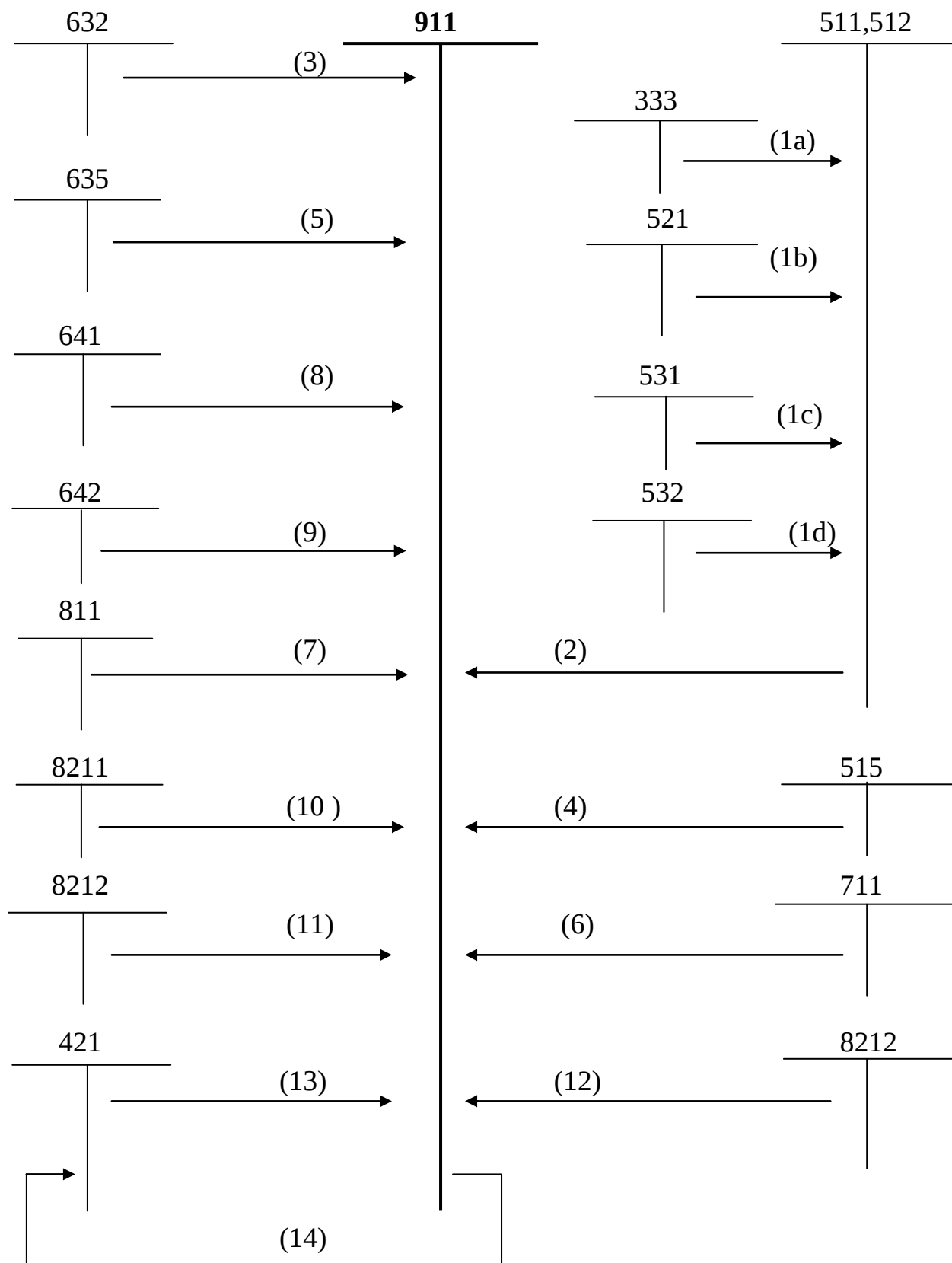
Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí tài chính. Chi phí khác. Chi phí thuế TNDN. Kết chuyển lãi.	Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. Doanh thu hoạt động tài chính. Thu nhập khác. Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Hạch toán kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.***

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán kế toán xác định QKKD



Giải thích sơ đồ:

- (1a) Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- (1b) Kết chuyển chiết khấu thương mại.
- (1c) Kết chuyển giảm giá hàng bán.
- (1d) Kết chuyển hàng bán bị trả lại.
- (2) Kết chuyển doanh thu thuần.
- (3) Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- (4) Kết chuyển doanh thu tài chính.
- (5) Kết chuyển chi phí tài chính.
- (6) Kết chuyển thu nhập khác.
- (7) Kết chuyển chi phí khác.
- (8) Kết chuyển chi phí bán hàng.
- (9) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.
- (10) Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- (11) Kết chuyển chênh lệch SPS Có TK 8212 lớn hơn SPS bên Nợ TK 8212 .
- (12) Kết chuyển chênh lệch SPS Có TK 8212 nhỏ hơn SPS Nợ TK 8212.
- (13) Kết chuyển lãi sau thuế TNDN.
- (14) Kết chuyển lỗ.

1.2.3.2. Hạch toán kế toán lợi nhuận chưa phân phối

❖ Hạch toán kế toán chi tiết lợi nhuận chưa phân phối

Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh được phản ánh là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh.

➤ Sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 421

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối có số dư Nợ hoặc số dư Có

1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

Hình thức kế toán là việc quy định mở những loại sổ sách kế toán nào đó để phản ánh các đối tượng kế toán, kết cấu của từng loại sổ, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối quan hệ giữa các loại sổ.

Theo chế độ kế toán hiện hành có 5 hình thức kế toán được sử dụng như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

✱ **Hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ:**

- *Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản:*
 - Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào chứng từ ghi sổ.
 - Ghi và định khoản theo thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
 - Lấy số liệu trên chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- *Các loại sổ kế toán chủ yếu:*
 - Chứng từ ghi sổ.
 - Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái.
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

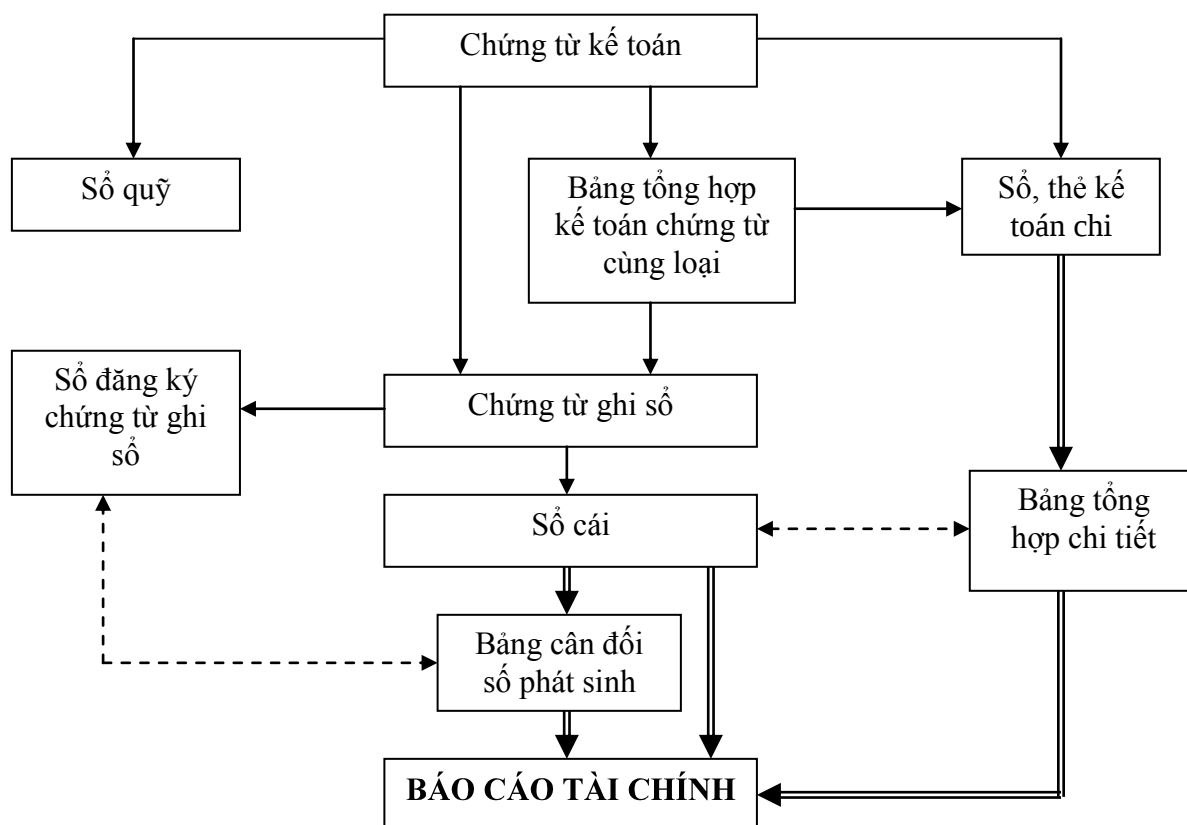
Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng phát sinh Nợ,

Tổng phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng phát sinh Nợ và Tổng phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

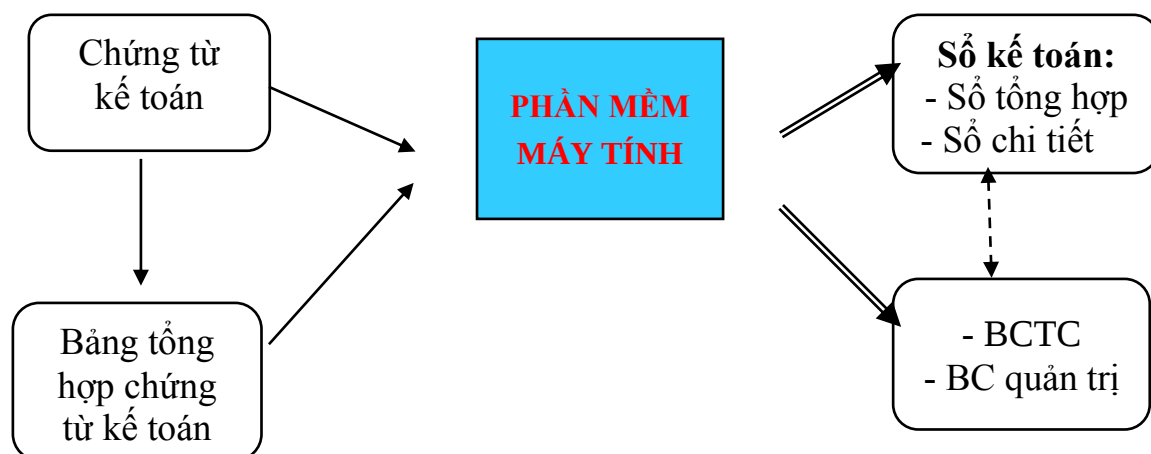


Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Ghi chú :

- Ghi hằng ngày
- ⇒ Ghi Định kỳ (cuối tháng, quý, năm)
- ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- > Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản Ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ liệu kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc nhật ký - sổ cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa sổ liệu tổng hợp với sổ liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện in báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

<i>Tên doanh nghiệp</i>	: Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc
<i>Tên giao dịch tiếng Anh</i>	: MINH PHUC TRANSPORT LIMITED
<i>Tên viết tắt</i>	: Minh Phúc TCO, LTD
<i>Địa chỉ</i>	: 8/96 Hai Bà Trưng , phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
<i>Điện thoại</i>	: 0313.739.041
<i>Fax</i>	: 0313. 510.006
<i>Vốn điều lệ</i>	: 1.800.000.000 đồng
<i>Mã số thuế</i>	: 0200595403
<i>Tài khoản</i>	: 32110309082903 tại Ngân hàng Công Thương Ngô Quyền - Hải Phòng.

Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc đây là doanh nghiệp tư nhân được thành lập từ năm 2004. Hoạt động theo đăng ký kinh doanh số 0202002097 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 16/08/2004. Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc là doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập.

Bất cứ một doanh nghiệp nào mới thành lập cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động của mình, từ việc tìm đối tác kinh doanh, nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế... Trong điều kiện kinh tế hiện nay Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc cũng không tránh khỏi những khó khăn. Tuy vậy, Công ty có được một số thuận lợi nhất định. Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc là một Công ty có thương hiệu nổi tiếng đã được khẳng định trên thị trường vận tải và dịch vụ thương mại. Hơn nữa, ngành dịch vụ vận

tải và phân phối hàng hoá cũng là một lĩnh vực đang được chú trọng và phát triển. Nắm bắt được tầm quan trọng và xu hướng phát triển của nền kinh tế, ngay từ khi mới thành lập Công ty đã xác định mục tiêu và chiến lược phát triển nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

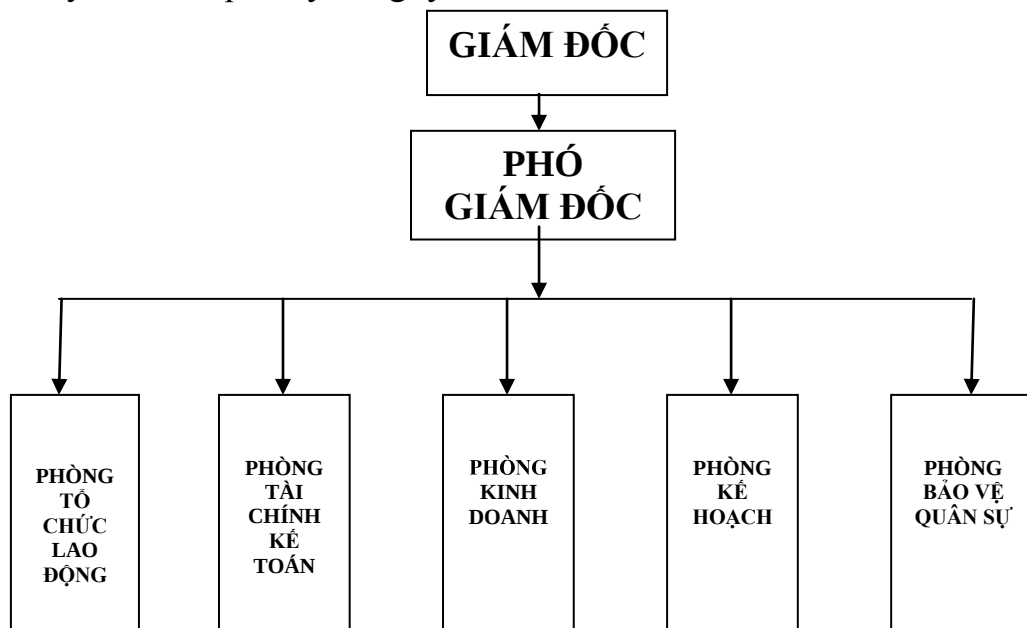
2.1.2. Chức năng ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202002097 ngày 16/08/2004 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc được tiến hành các hoạt động sau:

- Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy, bộ.
- Đại lý mua bán, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải.
- Kinh doanh, dịch vụ kho tàng, bến bãi.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc theo mô hình trực tuyến chức năng: Giám đốc trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty thông qua các phòng ban chức năng. Dưới đây là mô hình bộ máy tổ chức quản lý công ty như sau:



Sơ đồ 2.1.3 Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

Chức năng và nhiệm vụ của bộ máy quản lý :

Giám đốc : là người lãnh đạo cao nhất trong Công ty có quyền quyết định việc điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chính sách của Nhà nước và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty.

Phó giám đốc : là người giúp việc cho Giám đốc tham gia quản lý các phòng ban và tổ đội trong Công ty.

***Các phòng ban.**

Phòng tổ chức lao động hành chính :

- Quản lý nhân sự, tuyển dụng đào tạo.
- Quản lý hồ sơ sử dụng đất, đăng ký kinh doanh, sổ bảo hiểm xã hội, con dấu.
- Đề xuất mua sắm, cấp phát, quản lý trang thiết bị văn phòng.

Phòng tài chính kế toán :

- Ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng kinh phí của Công ty.
- Cung cấp số liệu, tài liệu cho việc điều hành sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán, thống kê quyết toán của Công ty.
- Lập phương án nguồn vốn và sử dụng vốn hàng năm, kế hoạch, tín dụng, lợi nhuận của Công ty.
- Tính toán, trích nộp các khoản nộp ngân sách Nhà nước, các loại quỹ, phân phối lợi nhuận.
- Quản lý tiền mặt, chi lương, chi thưởng.

Phòng kinh doanh:

- Tổ chức thực hiện kinh doanh vận chuyển hàng hóa và các vật tư khác đáp ứng nhu cầu khách hàng, giao hàng đúng thời hạn đảm bảo an toàn không gây thiệt hại hay bị hư tổn.
- Soạn thảo các hợp đồng kinh tế, cập nhật dữ liệu vào hệ thống máy tính, quản lý điều hành và hướng dẫn phòng ban triển khai kế hoạch kinh doanh đạt kết quả cao nhất .

Phòng kế hoạch :

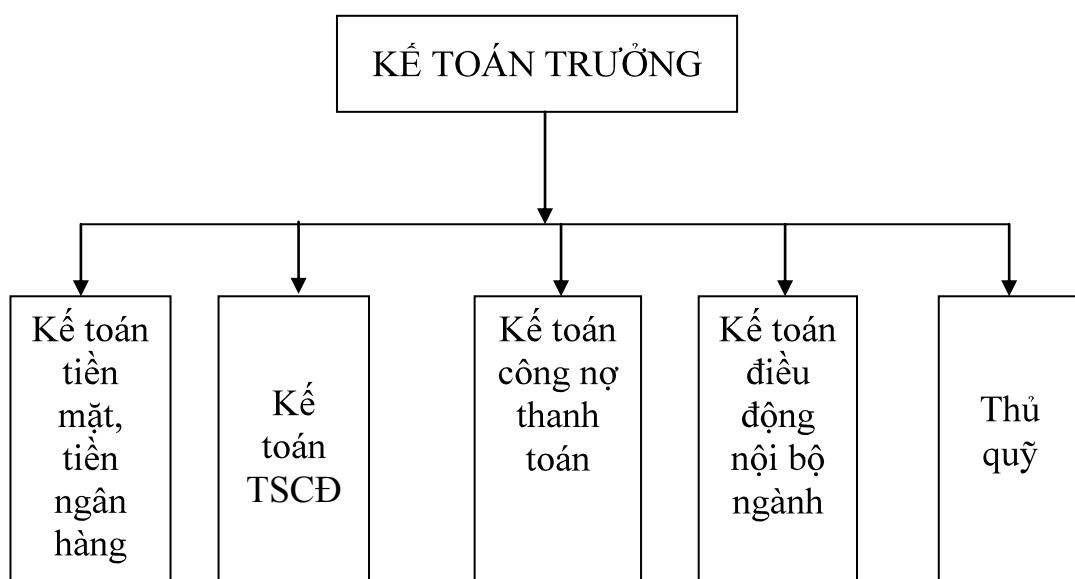
- Tham mưu cho Giám đốc ký hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu và sản phẩm, TSCĐ của Công ty.
- Lập kế hoạch và trình duyệt các kế hoạch định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Theo dõi, lập báo cáo tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất, theo dõi việc kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Phòng bảo vệ quân sự :

- Bảo vệ tài sản trong Công ty.
- Đảm bảo trật tự an ninh trong Công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc là một chủ thể hạch toán độc lập, được tổ chức hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước và của ban giám đốc công ty. Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung là công ty không có xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh ghi chép lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán tài chính của công ty.



Sơ đồ 2.1.4: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- Trưởng phòng KTTC: chỉ đạo tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán của công ty theo luật kế toán của nhà nước và của ngành vận tải. Lập báo cáo tài chính hàng năm, định kỳ, đột xuất theo quy định. Ban hành các quy định tạm thời về quản lý, hạch toán kinh doanh, tài sản, chi phí theo điều kiện trong từng giai đoạn kinh doanh cụ thể.
- Kế toán tiền mặt ,tiền gửi ngân hàng: có nhiệm vụ phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ của các quỹ tiền mặt, theo dõi tình hình biến động các tài khoản tiền gửi của công ty tại ngân hàng, lập các chứng từ thu chi trình trưởng phòng, giám đốc công ty duyệt trên cơ sở các giấy đề nghị, hợp đồng thanh toán.
- Kế toán TSCĐ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động tăng giảm TSCĐ, tính toán thực hiện trích khấu hao và theo dõi xây dựng ,sửa chữa lớn các công trình của công ty theo đúng chế độ quy định. Theo dõi tình hình sử dụng CCDC tránh lãng phí, dùng sai mục đích,
- Kế toán công nợ thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi từng chuyến vận chuyển phát sinh, theo dõi công nợ của khách hàng gồm cước vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng, theo dõi chi tiết công nợ đến từng mã khách hàng, chiết khấu được hưởng
- Kế toán hàng nhập nội bộ, công nợ nội bộ: theo dõi và đối chiếu các khoản công nợ nội bộ .
- Thủ quỹ : trực tiếp thu - chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng, theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng

2.1.5 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty

Bộ máy kế toán tại Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng Tài chính – Kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khấu hao theo đường thẳng. Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán mới ban hành theo

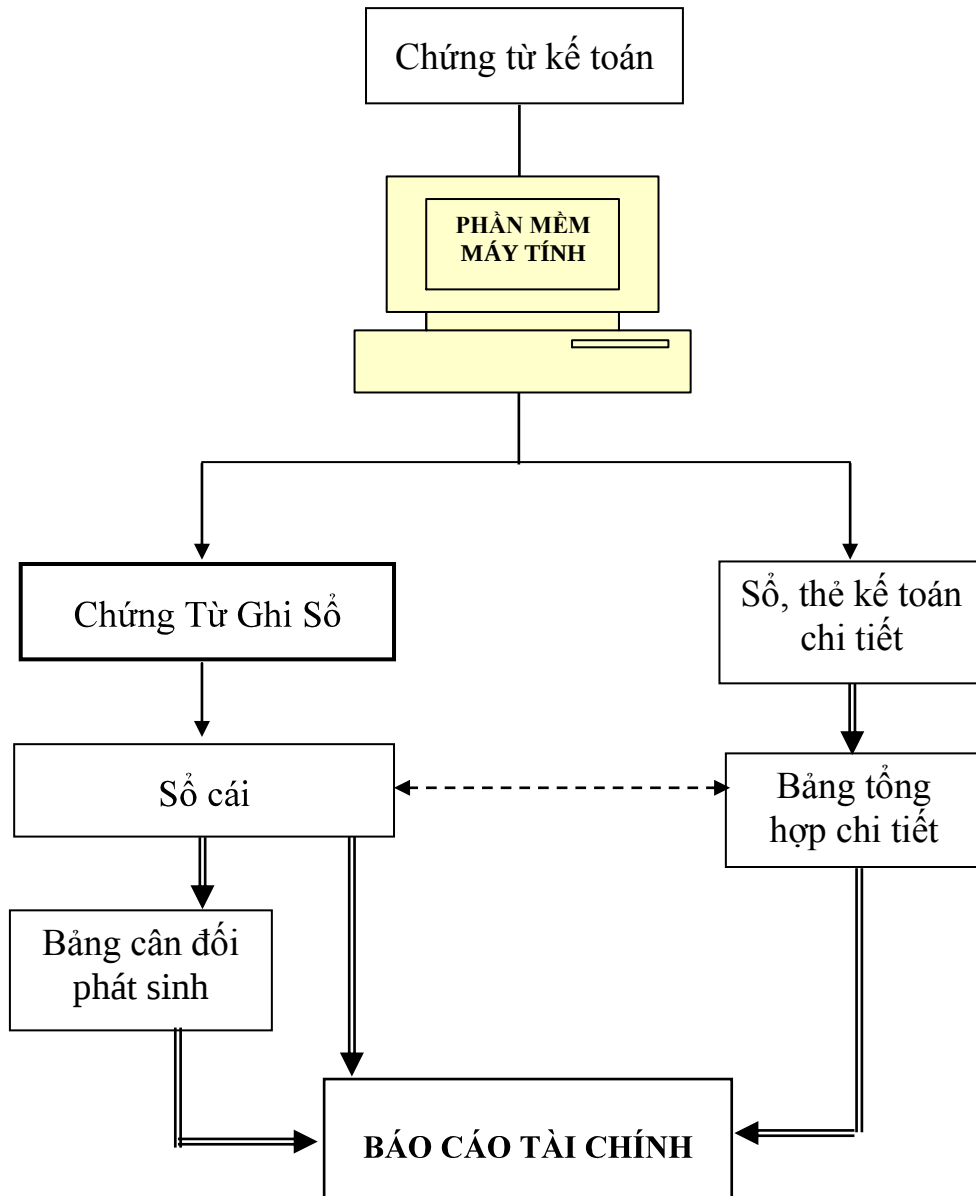
quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công tác kế toán tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc được thực hiện trên máy vi tính, kế toán nhập số liệu từ các chứng từ gốc ban đầu máy sẽ tự động lên sổ theo chu trình đã cài đặt sẵn. Chương trình phần mềm kế toán công ty đang sử dụng là phần mềm kế toán **IT-Soft ERP**.

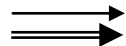
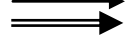
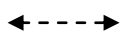
Và để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán “**Chứng từ ghi sổ**”.



Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)
-  Đối chiếu, kiểm tra

2.1.6 Tình hình và kết quả hoạt động SXKD của công ty trong 3 năm

Trong 3 năm qua giá cả thị trường biến động, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, vốn tự có rất hạn chế, Công ty phải thường xuyên vay vốn ngân hàng với lãi suất cao để duy trì và ổn định kinh doanh. Mặc dù doanh thu hàng năm đều tăng trưởng song hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận hàng năm còn hạn chế,

bình quân thu nhập của người lao động tăng hàng năm nhưng chưa phải mức thu nhập cao.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm 2008, 2009, 2010 được thể hiện qua số liệu trong bảng chỉ tiêu sau:

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Năm			Mức biến động so với năm trước	
	2008	2009	2010	2009- 2008	2010- 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,965,235,456	8,417,755,977	9,141,192,096	452,520,521	723,436,119
2. Các khoản giảm trừ					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7,965,235,456	8,417,755,977	9,141,192,096	452,520,521	723,436,119
4. Giá vốn hàng bán	6,980,302,219	7,079,499,778	8,357,233,674	99,197,559	1,277,733,896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	984,933,237	1,338,256,199	783,958,422	353,322,962	(554,297,777)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	956,231	1,780,586	2,484,388	824,355	703,802
7. Chi phí tài chính	389,292,320	506,528,854	299,128,489	117,236,534	(207,400,365)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	389,292,320	506,528,854	299,128,489	117,236,534	(207,400,365)
8. Chi phí bán hàng					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	560,290,356	788,950,514	441,558,343	218,660,158	(347,392,171)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36,306,792	44,557,417	45,755,978	8,250,625	1,198,561
11. Thu nhập khác	278,496,159	301,904,762	112,380,953	23,408,603	(189,523,809)
12. Chi phí khác	280,423,687	304,744,443	111,364,723	24,320,756	(193,379,720)
13. Lợi nhuận khác	(1,927,528)	(2,839,681)	1,016,230	(912,153)	3,855,911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34,379,264	41,717,736	46,772,208	7,338,472	5,054,472
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8,594,816	10,429,434	11,693,052	1,834,618	1,263,618
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	25,784,448	31,288,302	35,079,156	5,503,854	3,790,854

Với các chỉ tiêu đã trình bày ở trên nhìn chung trong 3 năm gần đây Công ty đã đạt được các chỉ tiêu kinh tế tăng dần lên theo từng năm. Việc tăng lên này có ảnh hưởng rất tốt đến Công ty góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và thúc đẩy quá trình kinh doanh dịch vụ của Công ty, đó là đòn bẩy mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra còn có thể nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên và đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hoạt động kinh doanh tốt hơn đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Qua bảng trên ta có thể nhận xét về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong 3 năm như sau:

Doanh thu của năm 2009 so với năm 2008 là 452,520,521 tương đương với 5,68%. Doanh thu của năm 2010 so với năm 2009 là 723,436,119 tương đương với 8,59%. Như vậy Doanh thu của năm 2010 so với năm 2009 tăng hơn doanh thu của năm 2009 với năm 2008.

Lợi nhuận của năm 2009 so với năm 2008 là 7,338,472 tương đương với 21,35%. Lợi nhuận của năm 2010 so với năm 2009 là 5,054,472 tương đương với 12,12%. Như vậy lợi nhuận của năm 2009 so với năm 2008 tăng hơn lợi nhuận của năm 2010 so với năm 2009.

2.2 Thực tế tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc

Là một doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực dịch vụ, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc không có chi phí bán hàng, doanh thu của công ty chủ yếu là doanh thu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động vận chuyển hàng hoá, dịch vụ kho bãi....

2.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu của công ty

Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc là một Công ty thương mại kinh doanh lĩnh vực vận chuyển, doanh thu của công ty từ nhiều hoạt động khác nhau và được chia thành 2 loại chính : Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển và doanh thu dịch vụ kho bãi.

✓ DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN: Lĩnh vực kinh doanh này bao gồm các hoạt động vận chuyển hàng hóa. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh này chiếm khoảng 90% doanh thu của công ty, đây là hoạt động kinh doanh chính của công ty. Hàng năm lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển chiếm tỷ trọng lớn nhất.

✓ DOANH THU DỊCH VỤ KHO BÃI: Các hoạt động kinh doanh bao gồm cho thuê bến bãi, nhà kho chứa hàng hoá; dịch vụ gửi xe. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh này chiếm khoảng 10% tổng doanh thu của công ty. Mặc dù chiếm tỷ trọng không nhiều nhưng đây cũng là một trong những nguồn doanh thu chính của công ty vì nó góp phần tạo ra lợi nhuận cho công ty.

2.2.1.2. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng

➤ *Tài khoản sử dụng:* Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên tài khoản chi tiết như sau:

- TK 5111: Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển
- TK 5113: Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Hợp đồng vận chuyển
- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng, Sec chuyển khoản.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ chi tiết tài khoản (511, 131, 3331,...).
- Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký ghi sổ.
- Sổ cái tài khoản (511, 131, 3331,...).
- Các sổ sách có liên quan (nếu có).

2.2.1.3 Quy trình hạch toán:

Với các hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển, kế toán căn cứ vào các hợp đồng về cung ứng dịch vụ để thanh lý hợp đồng và viết hoá đơn GTGT cho khách hàng khi kết thúc hợp đồng.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Liên gốc lưu tại quyền hoá đơn

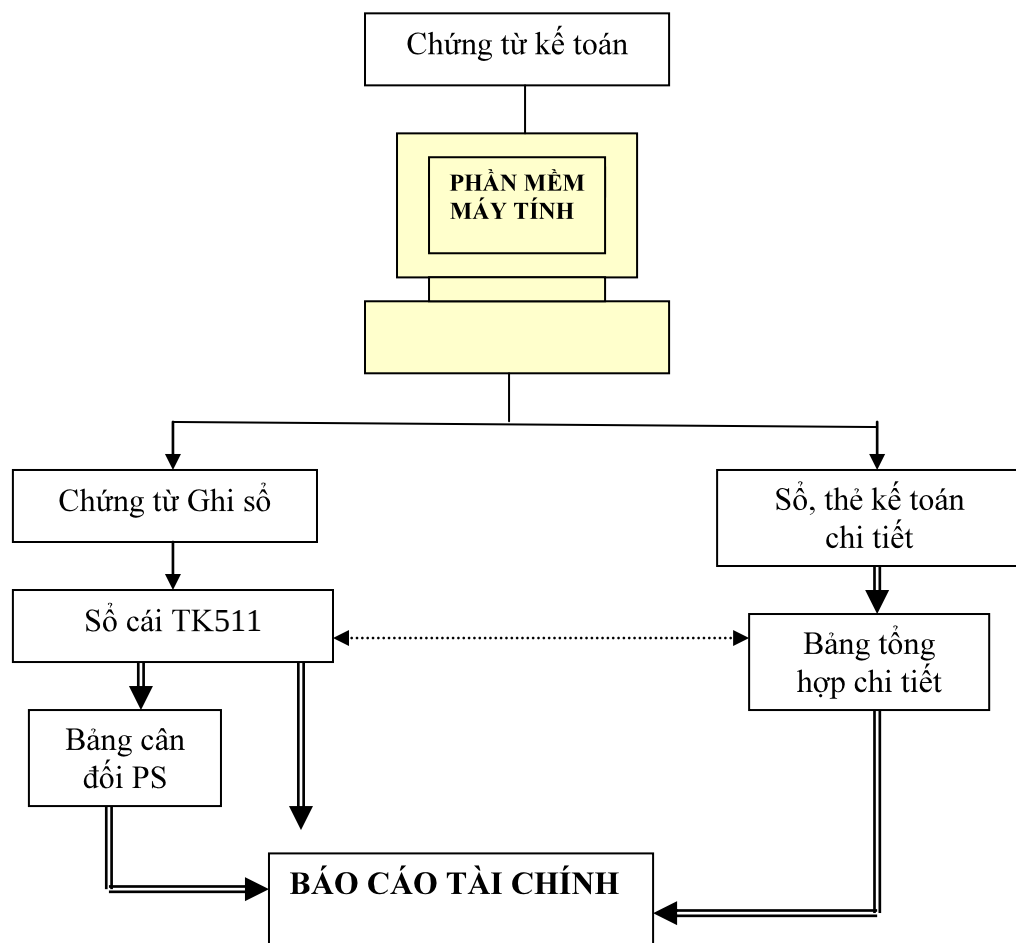
Liên 2: Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

Liên 3: Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn theo quy định phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.

Sơ đồ 2.2.1: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Căn cứ vào các chứng từ bán hàng, kế toán định khoản trên phần mềm kế toán máy toàn bộ số liệu tự động vào các sổ sách có liên quan.

Kế toán sẽ định khoản như sau:

Nợ TK 111, 112, 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra

Ví dụ 1: Ngày 07/12/2010, Công ty TNHH XNK Huy Tuấn thanh toán tiền cước vận chuyển Hải Phòng - Hà Nội bằng tiền mặt theo hóa đơn số 47700 số tiền cước vận chuyển chưa có thuế 10% là 7,236,364 cho công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.

Căn cứ vào hợp đồng vận chuyển kế toán viết hóa đơn GTGT ghi nhận doanh thu bán hàng. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 47700 ngày 07/12/2010 kế toán nhập số liệu vào phần mềm để in ra phiếu thu. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục " **Phiếu kế toán**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 07/12/2010

Số chứng từ: 47700

Người thanh toán: Công ty TNHH XNK Huy Tuấn

Diễn giải: Cước vận chuyển

TK Nợ 1111: 7,960,000

TK Có 5111: 7,236,364

TK Có 33311: 723,636

Từ các thông tin kinh tế kế toán nhập vào máy, máy tính sẽ tự động cập nhật và phản ánh vào Sổ **Chứng từ ghi sổ**, **sổ chi tiết TK511**, **Sổ cái TK 511**, **Sổ cái TK 3331** và các sổ liên quan.

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán:

Minh họa bằng chứng từ sổ sách như sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----&-----

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

Số: 01

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự và Bộ luật Thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2006 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007.

- Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu giữa hai bên

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2010, tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc. Chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN (BÊN A): Công ty TNHH XNK Huy Tuấn

Địa chỉ : Lê Thánh Tông - Hải An - Hải Phòng

ĐT : 0313.857258

Fax: 0313.857258

Mã số thuế : 0200406586

Đại diện : NGUYỄN VĂN HÒA

Chức vụ: Giám đốc

BÊN NHẬN VẬN CHUYỂN (BÊN B): CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Địa chỉ : 8/96 Hai Bà Trưng - Lê Chân - Hải Phòng

ĐT : 0313.739.041

Fax: 0313.510.063

Mã số thuế : 0200595403

Số tài khoản: 32110309082903

Đại diện : BÀ HOÀNG THỊ VUI

Chức vụ: Giám Đốc làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển với những điều khoản sau đây:

Điều 1: Cước vận chuyển tuyến đường Hải Phòng đến Hà Nội được tính như sau:

Hải phòng - Hà Nội: /2 chuyến vào ngày 07/12/2010

(Giá cước trên không bao gồm VAT)

Điều 2: Thanh toán

Thanh toán ngay 100% tiền mặt tiền vận chuyển trước khi vận chuyển cho công ty nhận vận chuyển.

Điều 3: Địa điểm vận chuyển: tại công ty bên B ở Hải Phòng vận chuyển đến công ty bên A ở Hà Nội

Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh điều khoản ghi trong hợp đồng. Quá trình thực hiện có vướng mắc hai bên thỏa hiệp và thương lượng giải quyết. Nếu không giải quyết được thì thực hiện theo phán quyết của toà án có thẩm quyền để giải quyết. Bên nào sai phải chịu mọi phí tổn.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 07 tháng 12 năm 2010				Mẫu số: 01/GTKT-3LL PQ/2101B 47700												
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc..... Địa chỉ: 8/96 Hai Bà Trưng - Lê Chân - Hải phòng Số tài khoản: Điện thoại:0313.739.041.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>9</td><td>5</td><td>4</td><td>0</td><td>3</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle; width: 40px;"> <tr><td> </td></tr> </table>						0	2	0	0	5	9	5	4	0	3	
0	2	0	0	5	9	5	4	0	3							
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Cty TNHH XNK Đức Huy Địa chỉ: Lê Thánh Tông - Hải An - Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TMMS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>0</td><td>6</td><td>5</td><td>8</td><td>6</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle; width: 40px;"> <tr><td> </td></tr> </table>						0	2	0	0	4	0	6	5	8	6	
0	2	0	0	4	0	6	5	8	6							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Cước vận chuyển hàng từ Cảng Hải Phòng đến Hà Nội 	Chuyến	2	3,618,182	7,236,364											
Cộng tiền hàng:					7,236,364											
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					723,636											
Tổng cộng tiền thanh toán					7,960,000											
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn /.</i>																
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Loan		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Huệ		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> Hoàng Thị Vui												

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số : 09

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 1111 : 7,960,000

Có TK 33311 : 7,236,364

Có TK 5111 : 723,636

Người nộp tiền: *Nguyễn Thị Huệ*.....

Địa chỉ: Công ty TNHH XNK Đức Huy

Lý do nộp: Thu tiền cước vận chuyển

Số tiền: 7,960,000 đồng

Viết bằng chữ: *Bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn /.*

Kèm theo: HĐ 01 GTGT Chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Ví dụ 2: Ngày 12/12/2010, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc cho Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong thuê kho để hàng với số tiền 10,500,000 (thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào HĐGTGT số 47703 ngày 12/12/2010, kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục "**Phiếu kế toán**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 12/12/2010

Số chứng từ: 47703

Người thanh toán: Công ty CP Nhựa thiếu niên Tiền Phong

Diễn giải: Phí thuê kho

TK Nợ 131: 3,850,000

TK Có 3387: 10,500,000

TK Có 33311: 1,050,000

Phân bổ doanh thu bán hàng

TK Nợ 3387: 3,500,000

TK Có 5111: 3,500,000

Từ các thông tin kinh tế kế toán nhập vào máy, máy tính sẽ tự động cập nhật và phản ánh vào Sổ Chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK511, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 3331 và các sổ liên quan.

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán:

Minh họa bằng chứng từ sổ sách như sau:

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01/GTKT-3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			PQ/2101B																
Liên 3: Nội bộ			47703																
Ngày 12 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.....																			
Địa chỉ: 8/96 Hai Bà Trưng - Lê Chân - Hải phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:0313.739.041.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>9</td><td>5</td><td>4</td><td>0</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	9	5	4	0	3				
0	2	0	0	5	9	5	4	0	3										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Cty CP Nhựa thiếu niên Tiên Phong																			
Địa chỉ:.....																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: CTMS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>3</td><td>2</td><td>9</td><td> </td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	2	4	3	2	9					
0	2	0	0	2	4	3	2	9											
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Phí thuê kho	tháng	3	3,500,000	10,500,000														
Cộng tiền hàng:					10,500,000														
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1,050,000														
Tổng cộng tiền thanh toán					11,550,000														
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn /..																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
Nguyễn Văn Bình		Nguyễn Thị Huệ		Hoàng Thị Vui															

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh tháng 12			
47700	07/12/2010	Cước vận chuyển	1111		7,236,364
47701	09/12/2010	Cước vận chuyển	1111		3,618,182
47702	09/12/2010	Cước vận chuyển	1111		9,318,182
47703	12/12/2010	Phí thuê kho	131		3,500,000
....					
47728	31/12/2010	Cước vận chuyển	131		17,545,454
47729	31/12/2010	Cước vận chuyển	131		40,181,818
PKT1012/ 0005	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu	911	761,766,100	
		Cộng phát sinh tháng 12		761,766,100	761,766,100
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng

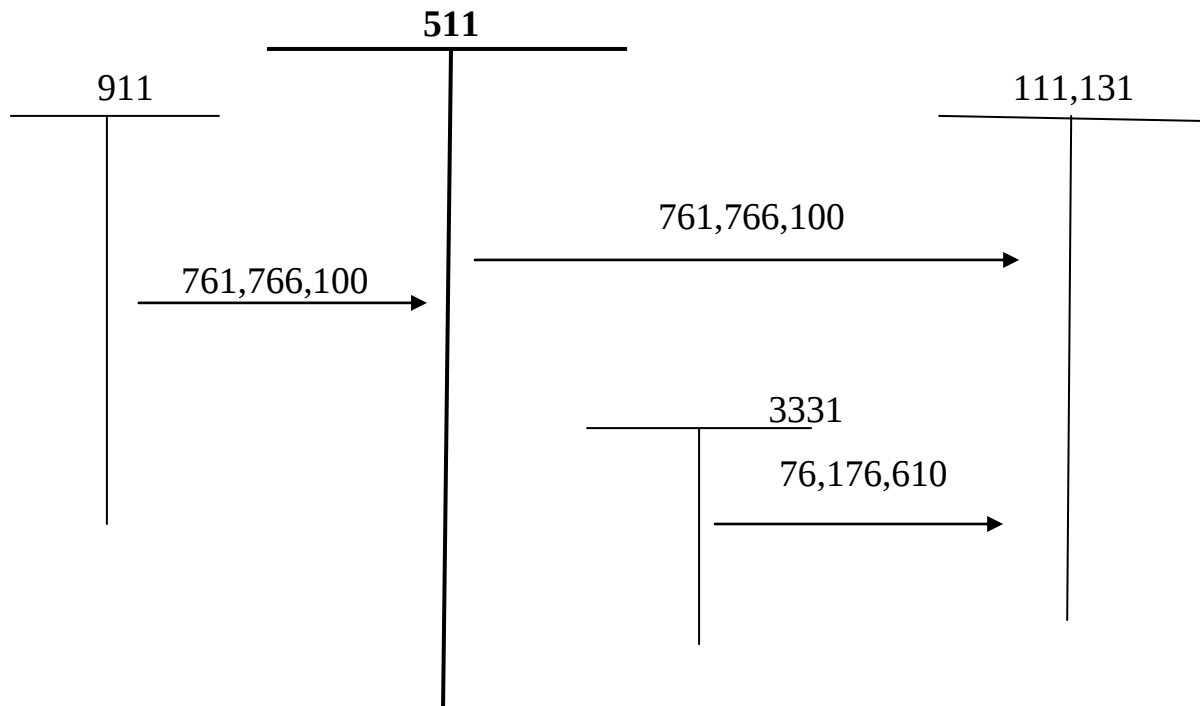
Đvt: VNĐ

NGÀY CHỨNG TỪ	SỐ CHỨNG TỪ	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh tháng 12			
07/12/2010	47700	Cước vận chuyển(0005- Công ty TNHH XNK Huy Tuấn)	1111		7,236,364
....					
12/12/2010	47703	Phí thuê kho (0051- CTCP Nhựa thiếu niên Tiền Phong)	131		3,500,000
....	...				
13/12/2010	47709	Cước vận chuyển (0003- Công ty TNHH Tân An)	131		42,318,179
....	...				...
31/12/2010	47729	Cước vận chuyển (0013- Công ty CP thiết bị giáo dục Hải Hà)	131		40.181.818
31/12/2010	PKT1012 0005	Kết chyeãn doanh thu bán hàng	911	761,766,100	
		Cộng phát sinh tháng 12		761,766,100	761,766,100
		Số dư cuối kỳ			
				Ngày....tháng....năm....	
Giám đốc		Kế toán trưởng		Kế toán ghi sổ	

2.2.1.4. Kế toán tổng hợp doanh thu.

Để phản ánh doanh thu, Công ty sử dụng TK 511 cho tất cả các doanh thu cung cấp dịch vụ.

Từ số liệu trên sổ cái TK 511, 111, 131, 331... tháng 12/2010 của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc ta có Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12/2010 của Công ty như sau:



2.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi phí

2.2.2.1 Kế toán giá vốn

Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc là công ty kinh doanh các lĩnh vực dịch vụ, công ty không có quy trình tập hợp chi phí để tính giá thành, không có chi phí bán hàng. Do vậy, nội dung giá vốn của công ty như sau:

Mỗi một khoản doanh thu mà công ty thu về đều tương ứng với khoản chi phí mà công ty đã bỏ ra để có được khoản thu đó.

- *Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển:* Chi phí giá vốn bao gồm chi phí xăng dầu, chi phí nâng hạ, khấu hao máy móc thiết bị phương tiện vận tải, chi phí vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa, chi phí nhân viên lái xe, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác....

- *Đối với doanh thu dịch vụ kho bãi:* Các chi phí về khấu hao nhà xưởng, bến bãi, chi phí bảo vệ kho bãi đều được tập hợp và đưa vào chi phí giá vốn.

Doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thì khi ghi nhận doanh thu, kế toán không phản ánh được giá vốn luôn được. Mà giá vốn là chi phí xăng dầu, chi phí nâng hạ, chi phí khấu hao nhà xưởng, phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh, chi phí tiền lương cuối tháng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác kế toán mới tập hợp và tính ra.

Toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đều được kế toán phản ánh thông qua tài khoản trung gian TK 627- Chi phí sản xuất kinh doanh, cuối kỳ kế toán kết chuyển vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT đầu vào
- Ủy nhiệm chi
- Giấy Báo Nợ
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ *Sổ sách sử dụng:*

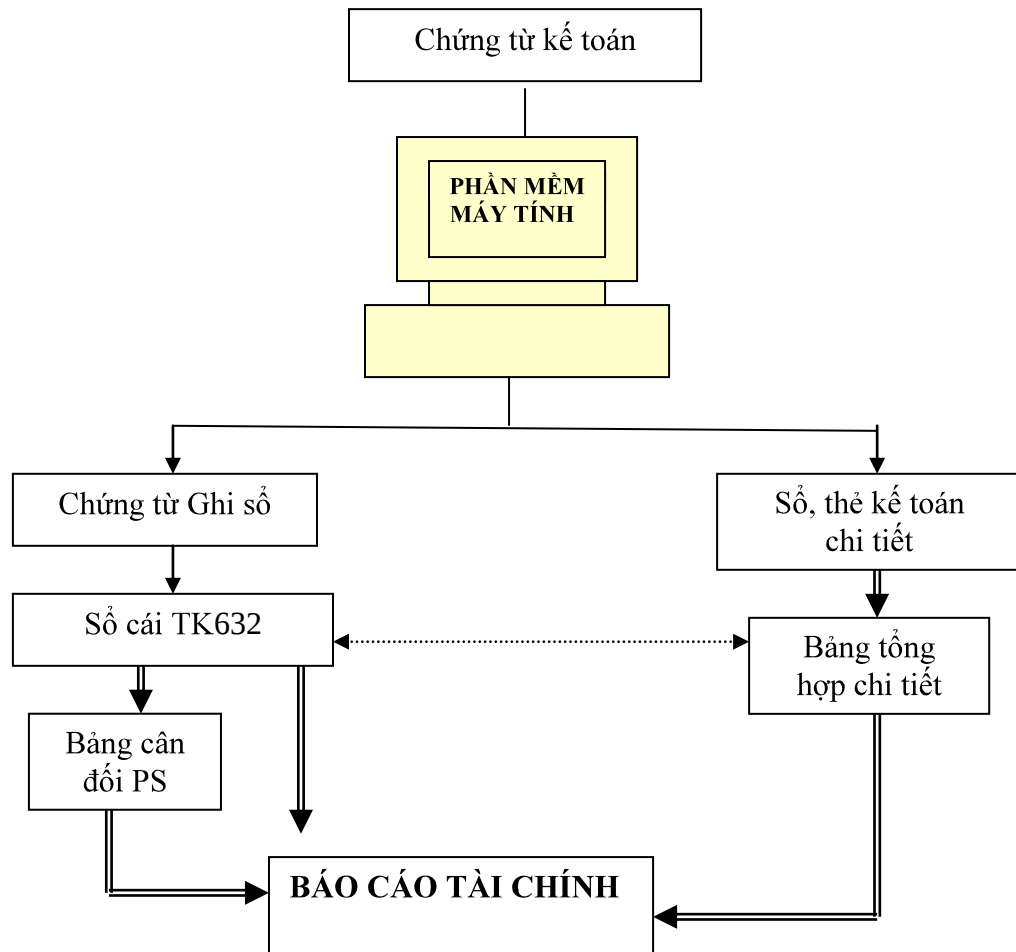
- Sổ cái tài khoản 627, 154
- Sổ cái tài khoản 632
- Sổ cái tài khoản 111, 131, 133...

Trong đó chi tiết cho tài khoản 627:

- + TK6271: Chi phí nhân viên lái xe
- + TK62721: Chi phí xăng, dầu
- + TK62722: Chi phí phụ tùng sửa chữa: lốp, dầu, nhớt...
- + TK6273: Chi phí công cụ, dụng cụ
- + TK6274: Chi phí khấu hao máy móc, phương tiện vận tải
- + TK6277: Chi phí nâng hạ, cước vận chuyển

+ TK6278: Chi phí bằng tiền khác: lệ phí xăng dầu...

Sơ đồ 2.2.2: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn



Ví dụ 3: Ngày 06/12/2010, Cty TNHH vận tải- thương mại Minh Phúc thanh toán tiền mua dầu cho công ty xăng dầu B12-CNXD Hải Dương là 3,497,727(10%VAT)

Căn cứ vào HĐGTGT số 040018, kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính để in ra phiếu chi. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục "**Phiếu chi tiền mặt**" và nhập các thông tin của chứng từ:

Ngày chứng từ: 06/12/2010

Số chứng từ: PC1030/014

Người thanh toán: Anh Hùng

Diễn giải: Chi trả tiền mua dầu

TK Nợ 62721: 3,497,727

TK Nợ 6278: 92,500

TK Nợ 1331: 349,773

TK Có 1111: 3,940,000

Chọn F7 để in ra sổ Cái TK 627 như sau

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Giao cho khách hàng Ngày 06 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01GTKT-3LL QX/2010B 040018		
Đơn vị bán hàng : Công ty xăng dầu B12 - CNXD Địa chỉ : Phú Thái - Chí Linh - Hải Dương..... Số tài khoản..... Điện thoại :MS: 5700101690001					
Họ tên người mua hàng : Tên đơn vị : Công ty TNHH vận tải thương mại Minh Phúc Địa chỉ : Hai Bà Trưng – Lê Chân – Hải Phòng Số tài khoản : Hình thức thanh toán : TM MS : 0200595403					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
1	Dầu Diezel	lit	185	18.906,632	3,497,727
	Lệ phí xăng dầu		185	500	92,500
Cộng tiền hàng:					3,590,227
Thuế suất GTGT:.....10%..... Tiền thuế GTGT :					349,773
Tổng cộng tiền thanh toán:					3,940,000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn/.					
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)	

Ví dụ 4: Ngày 07/12/2010, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc thanh toán tiền nâng hạ cho công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng số tiền là 720,000(thuế GTGT 10%) bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐGTGT số 639913 ngày 07/12/2010 , kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính để in ra phiếu chi. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục " **Phiếu chi tiền mặt**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 07/12/2010
Số chứng từ: PC1012/028
Người thanh toán: Chị Mai
Diễn giải: Chi trả tiền làm nâng hạ
TK Nợ 6277: 720,000
TK Nợ 1331: 72,000
TK Có 1111: 792,000

Từ các thông tin kinh tế kế toán nhập vào máy, máy tính sẽ tự động cập nhật và phản ánh vào Sổ **Chứng từ ghi sổ**, **Sổ cái TK 627**, **sổ chi tiết TK627** và các sổ liên quan

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán.

Minh họa bằng chứng từ sổ sách như sau:

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Giao cho khách hàng Ngày 07 tháng 12 năm 2010						Mẫu số: 01GTKT-3LL QX/2010B 639913
Đơn vị bán hàng : Cty TNHH MTV Cảng Hải Phòng Địa chỉ : Lê Thánh Tông - Hải An - Hải Phòng... Số tài khoản..... Điện thoại :MS: 020015126						
Họ tên người mua hàng : Tên đơn vị : Công ty TNHH vận tải thương mại Minh Phúc Địa chỉ : Hai Bà Trưng – Lê Chân – Hải Phòng Số tài khoản : Hình thức thanh toán : TM MS : 0200595403						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	1*2	
	Phí nâng hạ	cont	2	360,000	720,000	
Cộng tiền hàng:					720,000	
Thuế suất GTGT:.....10%.....			Tiền thuế GTGT :		72,000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					792,000	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn/.</i>						
Người mua hàng (đk)		Người bán hàng (đk)		Thủ trưởng đơn vị (đk, đóng dấu)		

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 627- Chi phí sản xuất kinh doanh

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....			...		
047159	04/12/2010	Chi tiền mua dầu	1111	453,409	
		Lệ phí xăng dầu	1111	12000	
040018	06/12/2010	Chi tiền mua dầu	1111	3,497,727	
		Lệ phí xăng dầu	1111	92,500	
....					
639913	07/12/2010	Thanh toán tiền nâng hạ cho Cty TNHH MTV Cảng HP	1111	720,000	
.....					
KT1012/ 073	31/12/2010	TT tiền cước vận chuyển(0064-Cty TNHH Lâm Sơn)	331	34,700,000	
PKC1102/ 0002	31/12/2010	Kết chuyển chi phí SX	154		704,436,130
		Cộng phát sinh		704,436,130	704,436,130
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ -
BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

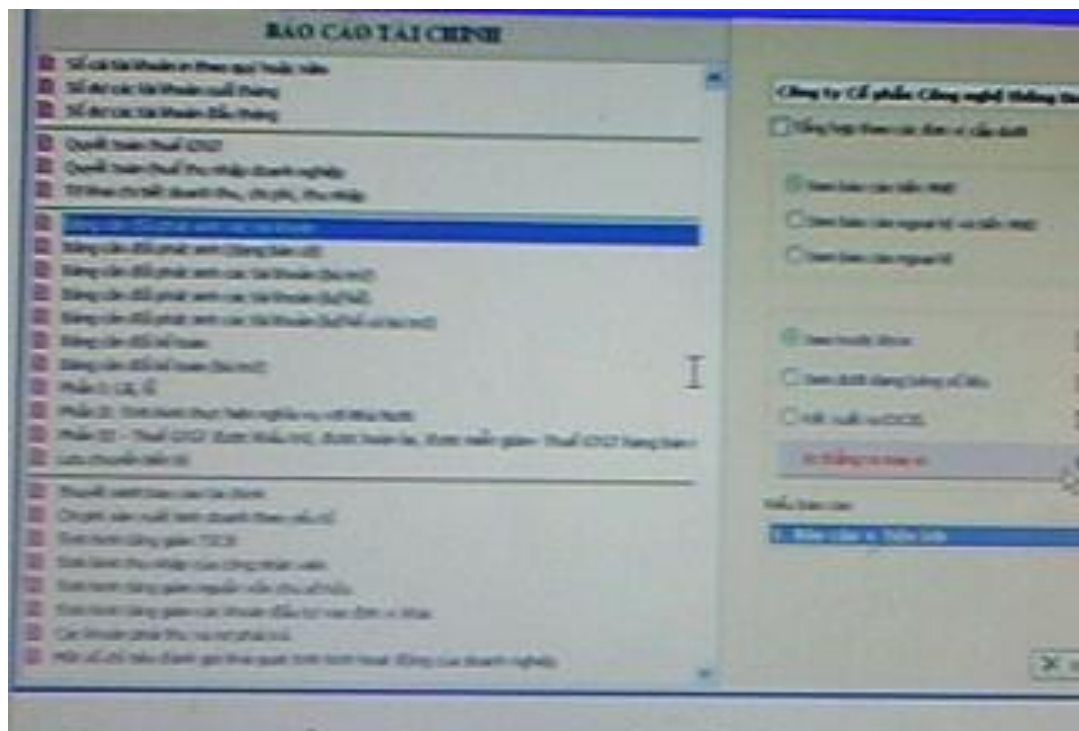
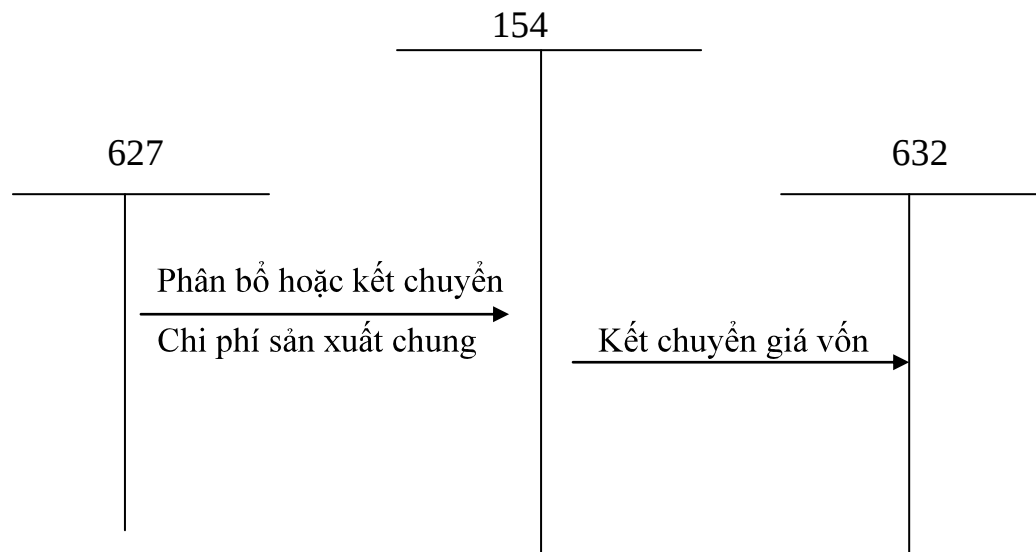
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
Tài khoản 627- Chi phí sản xuất kinh doanh

Đvt: VNĐ

NGÀY CHỨNG TỪ	SỐ CHỨNG TỪ	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	PS NỢ	PS CÓ
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh tháng 12			
....			...		
04/12/2010	47159	Chi tiền mua dầu	1111	453,409	
		Lệ phí xăng dầu		12,000	
10/12/2010	40018	Chi tiền mua dầu	1111	3,497,727	
		Lệ phí xăng dầu		92,500	
.....					
19/12/2010	639913	Thanh toán tiền nâng hạ (0024- Cty TNHH MTV cảng HP)	1111	720,000	
....			...		
31/12/2010	KT1012/ 073	TT tiền cước vận chuyển(0064- Cty TNHH MTV Lâm Sơn)	331	34,700,000	
31/12/2010	PKC1012/ 0002	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		704,436,130
		Cộng phát sinh tháng 12		704,436,130	704,436,130
		Số dư cuối kỳ			
				Ngày....tháng....năm....	
Giám đốc		Kế toán trưởng		Kế toán ghi sổ	

Khái quát sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty:



Cuối kỳ kế toán toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phần mềm kế toán tự động kết chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và từ chi phí sản xuất kinh doanh phần mềm tự động kết chuyển vào giá vốn theo lệnh của kế toán.

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKC1012/ 0001	31/12/2010	Kết chuyển chi phí nhân công	6271	87,000,000	
PKC1012/ 0002	31/12/2010	Kết chuyển chi phí NV, VL	62721	277,229,934	
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển chi phí khấu hao TSCĐ	6274	41,626,987	
PKC1012/ 0007	31/12/2010	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài	6277	247,702,289	
PKC1012/ 0008	31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác bằng tiền	6278	50,876,920	
PKC1012/ 0009	31/12/2010	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632		704,436,130
		Cộng phát sinh		704,436,130	704,436,130
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)
Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
Tài khoản: 632- Giá vốn bán hàng

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKC1012/ 0009	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn	154	704,436,130	
PKC1012/ 0003	31/12/2010	Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	911		704,436,130
		Cộng phát sinh		704,436,130	704,436,130
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

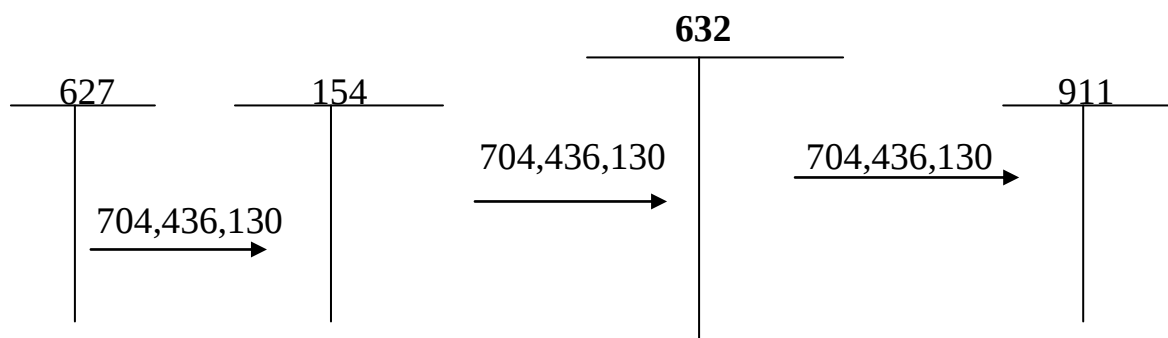
Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

2.2.2.2 Kế toán tổng hợp giá vốn

Để phản ánh giá vốn công ty sử dụng TK 632 phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Từ số liệu trên sổ cái TK 627, 154, 632, 111, 112... tháng 12/2010 của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc ta có sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán tháng 12/2010 của Công ty như sau:



2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

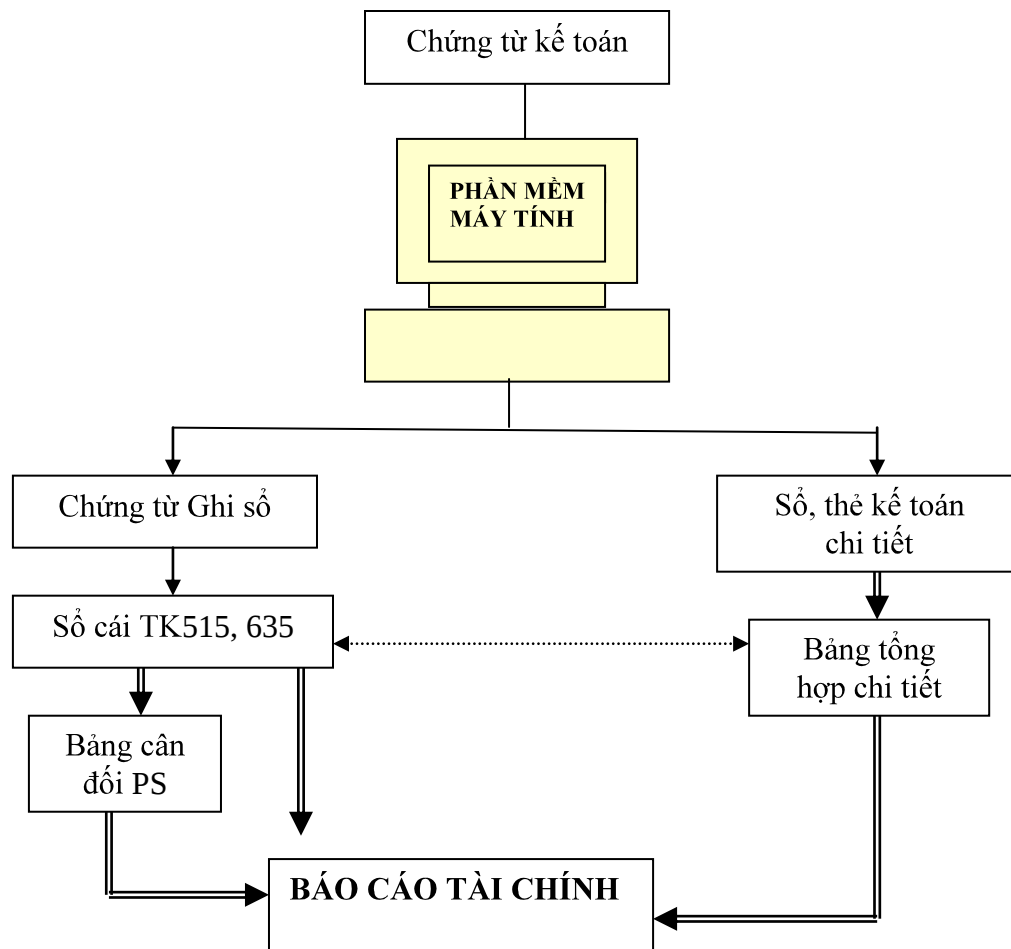
➤ *Tài khoản sử dụng*

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

➤ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

Sơ đồ 2.2.3: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính



Ví dụ 5: Ngày 26/12/2010, Công ty nhận được Giấy Báo Có thông báo lãi tiền gửi của ngân hàng Công Thương Ngô Quyền Hải Phòng số tiền là 160,639

Căn cứ vào chứng từ GBC kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục

" **Giấy Báo Có**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 26/12/2010

Số chứng từ: GBC1012/015

Người thanh toán: Ngân Hàng

Diễn giải: Trả lãi tiền gửi

TK Nợ 1121CT: 160,639

TK Có 515 : 160,639

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán.

Minh họa bằng chứng từ sổ sách như sau:

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Số: FT08350112027

NGÔ QUYỀN HẢI PHÒNG

Ngày 26/12/2010

GIẤY BÁO CÓ

Kính gửi: CTY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số tài khoản ghi CÓ : 3409586

Số tiền bằng số : **160,639**

Số tiền bằng chữ: : Một trăm sáu mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng/.

Nội dung: Trả lãi tiền gửi ngân hàng

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng		TK đối ứng		
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
GBC1012/ 015	26/12/2010	Ngân hàng trả tiền lãi	1121CT		160,639
GBC1012/ 016	27/12/2010	Ngân hàng trả tiền lãi	1121KL		13,709
GBC1012/ 020	31/12/2010	Ngân hàng trả tiền lãi	1121DT		19,017
PKC1012/ 0006	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	193,365	
		Cộng phát sinh		193,365	193,365
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Ví dụ 6: Ngày 27/12/2010, Công ty nhận Giấy Báo Nợ thông báo trả lãi tiền vay hạn mức của ngân hàng Công Thương - Ngô Quyền HP số tiền là 8,500,000.

Căn cứ vào chứng từ GBN, kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục "**Giấy Báo Nợ**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 27/12/2010

Số chứng từ: GBN1012/015

Người thanh toán: Ngân Hàng

Diễn giải: Trả lãi tiền vay

TK Nợ 635: 8,500,000

TK Có 1121CT: 8,500,000

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán

Minh họa bằng chứng từ sổ sách như sau:

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG

Số: FT08350112027

NGÔ QUYỀN HẢI PHÒNG

Ngày 27/12/2010

GIẤY BÁO NỢ

Kính gửi: CTY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số tài khoản ghi NỢ : 3409586

Số tiền bằng số : **8,500,000**

Số tiền bằng chữ: : Tám triệu năm trăm nghìn đồng /.

Nội dung: Trả lãi tiền vay ngân hàng

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 635- Chi phí hoạt động tài chính

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
UNC1012/ 013	27/12/2010	Trả lãi tiền vay	1121CT	250,200	
UNC1012/ 014	27/12/2010	Trả lãi tiền vay	1121CT	6,004,800	
UNC1012/ 015	27/12/2010	Trả lãi tiền vay	1121CT	8,500,000	
PKC1012/ 0010	31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		14,755,000
		Cộng phát sinh		14,755,000	14,755,000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

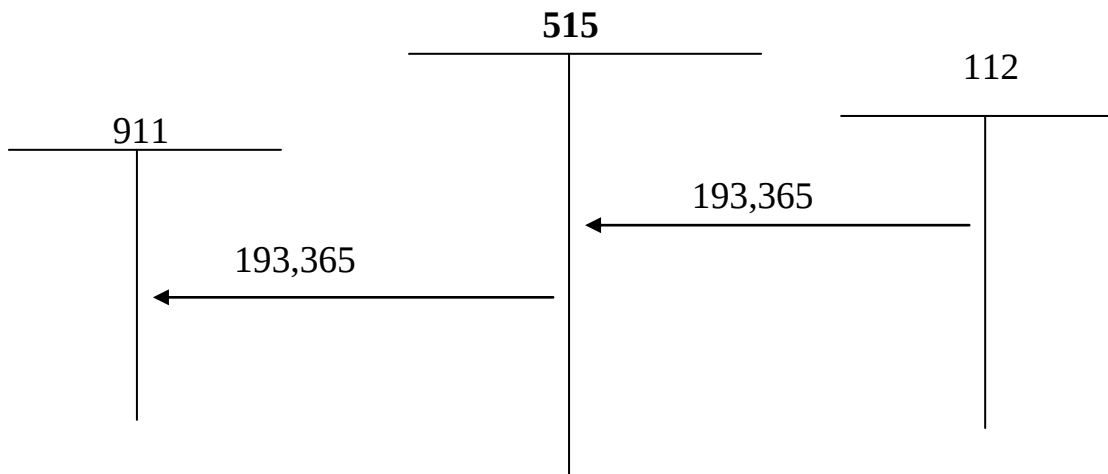
Kế toán ghi sổ

❖ **Công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**

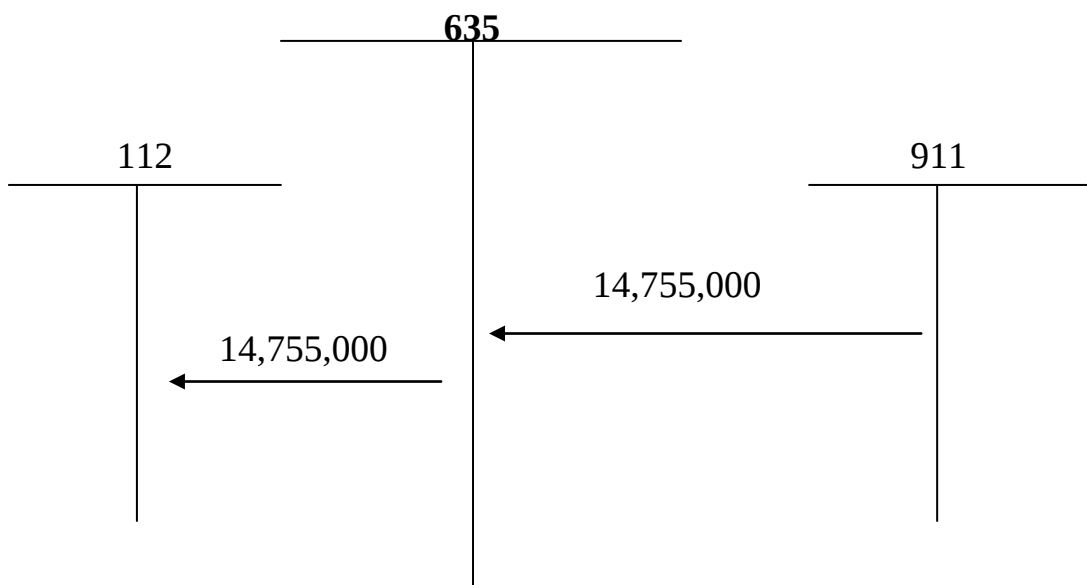
Để phản ánh doanh thu, chi phí hoạt động tài chính công ty sử dụng TK 515, TK635 cho tất cả các hoạt động.

Từ số liệu trên sổ cái TK 515, 635, 112 ...tháng 12/2010 của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc ta có sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tháng 12/2010 của Công ty như sau:

✚ *Công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính*



✚ *Công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính*



2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý, Chi phí điện, nước, điện thoại, mực in, phí chuyển tiền... và các chi phí khác bằng tiền phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp...

Tài khoản sử dụng

- TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp.

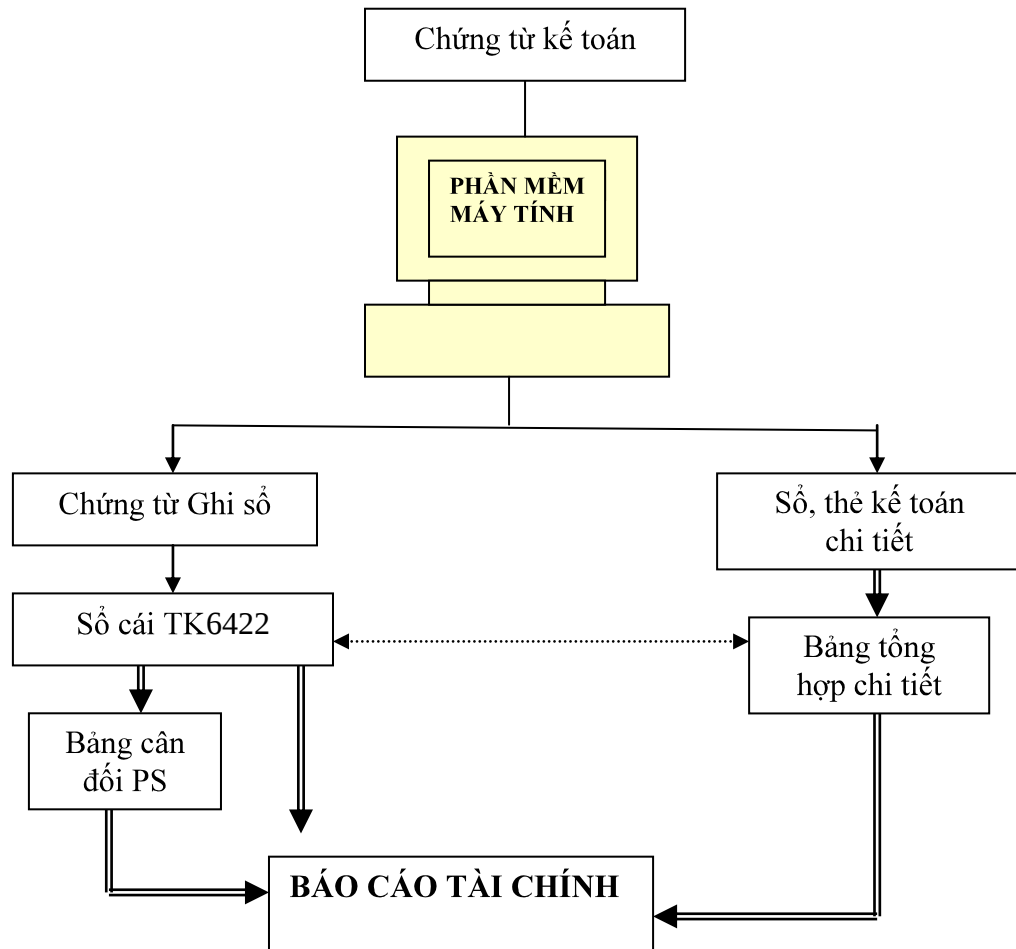
Trong đó chi tiết cho tài khoản 6422:

- + TK64221: Chi phí nhân viên văn phòng
- + TK64222: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK64223: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK64225: Thuế, phí và lệ phí cầu đường
- + TK64227: Chi phí điện, nước, điện thoại, mực in...
- + TK64228: Chi phí bằng tiền khác: phí chuyển tiền....

➤ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái TK 6422.
- Các sổ khác có liên quan

Sơ đồ 2.2.4: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ví dụ 7: Ngày 08/12/2010, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc thanh toán tiền điện cho công ty TNHH MTV điện lực Hải Phòng số tiền là 1,376,980 (thuế GTGT 10%) bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐGTGT số 447668 ngày 08/12/2010, kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính để in ra phiếu chi. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục "**Phiếu chi tiền mặt**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 08/12/2010

Số chứng từ: PC1030/016

Người thanh toán: Chị Mai

Diễn giải: Chi trả tiền điện

TK Nợ 64228: 1,376,980

TK Nợ 13311: 137,698

TK Có 1111: 1,514,678

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán.

Minh họa bằng chứng từ sổ sách như sau:

HOÁ ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

(Liên 2: giao khách hàng)

Mẫu số: 01/GTKT - 2/LN - 02
ID: 251140
Ký hiệu: AA/2008T
Số: 447668

Công ty TNHH MTV điện lực HP

Kỳ : 1 Từ ngày 08/11

đến ngày

09/12/2010

Điện lực: CDN Ngô Quyền

MST: 0200340211

Phiên: 1

Địa chỉ: 12 Võ Thị Sáu - HP

Số GCS : NQ275 -50

Số hộ: 1

Điện thoại: 0313.827385

Tài khoản: 710A - 00464 NHCT Ngô Quyền

Tên & địa chỉ khách hàng: CTY TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc- Hai Bà Trưng -HP

NSTKH:

0202002097

Mã KH: 991001002 Số C.tờ:

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
17865	16729	1	1138	1210	1,376,980
Ngày: 08/12/2010 TUQ Giám đốc		Trong đó			
		Cộng	1138		1,376,980
		Thuế suất GTGT: 10%. Thuế GTGT			137,698
		Tổng cộng tiền thanh toán			1,514,678
Số viết bằng chữ: Một triệu năm trăm mười bốn nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng/.					

Được phát hành kèm theo công văn số 4303 TCT/AC ngày 23/11/1998 của tổng cục thuế

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 6422- Chi phí quản lý kinh doanh

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
UNC1012/ 004	07/12/2010	Phí chuyển tiền	1121CT	18,707	
PC1012/ 016	08/12/2010	Chi trả tiền điện	1111	1,376,980	
PC1012/ 018	09/12/2010	Mua mực in	1111	560,000	
KT1012/ 004	31/12/2010	Kết chuyển tiền lương T12/ 2010	3341	13,500,000	
...	...		...	...	
PC1012/ 019	31/12/2010	Chi nộp tiền đăng kiểm	1111	900,000	
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý6422	911		13,500,000
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển chi phí công cụ quản lý64223	911		2,302,728
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế, phí và lệ phí 64225	911		1,000,000
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển chi phí dịch vụ mua ngoài 64227	911		9,200,000
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển chi phí bằng tiền khác 64228	911		10,793,801
		Cộng phát sinh		36,796,529	36,796,529
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

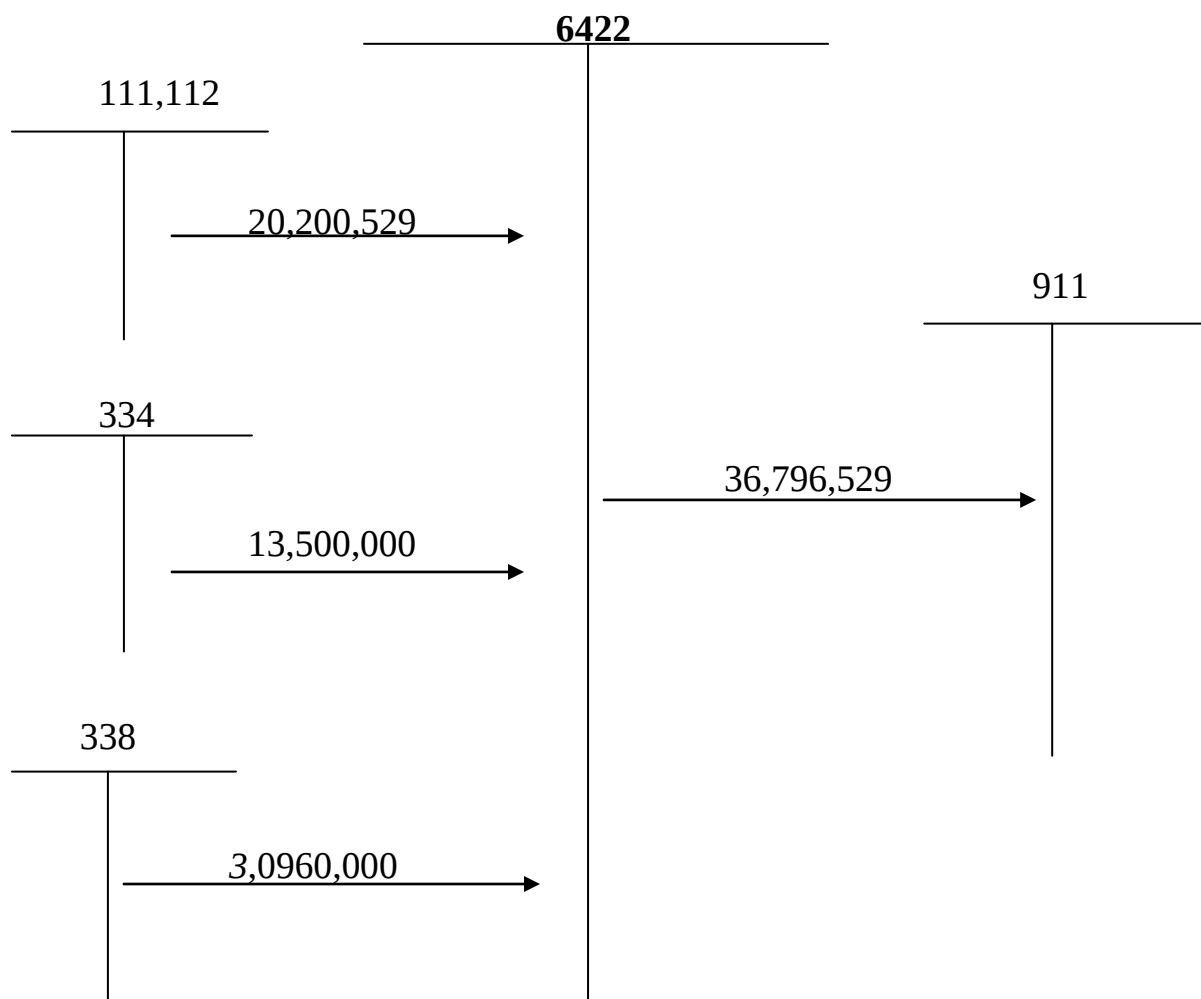
Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

❖ **Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 6422 để tập hợp chi phí.

Từ số liệu trên sổ cái TK 6422 tháng 12/2010 của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc ta có sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2010 của Công ty như sau:



2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại Công ty khoản thu nhập khác của Công ty phát sinh không nhiều chủ yếu là thu từ việc xử lý công nợ, nhượng bán thanh lý tài sản cố định. Trong năm 2010 thu nhập hoạt động khác của Công ty là từ hoạt động nhượng bán tài sản cố định.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí từ việc xử

lý công nợ và chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định. Trong năm 2010 khoản chi này là giá trị còn lại của tài sản cố định khi nhượng bán được hạch toán vào chi phí khác.

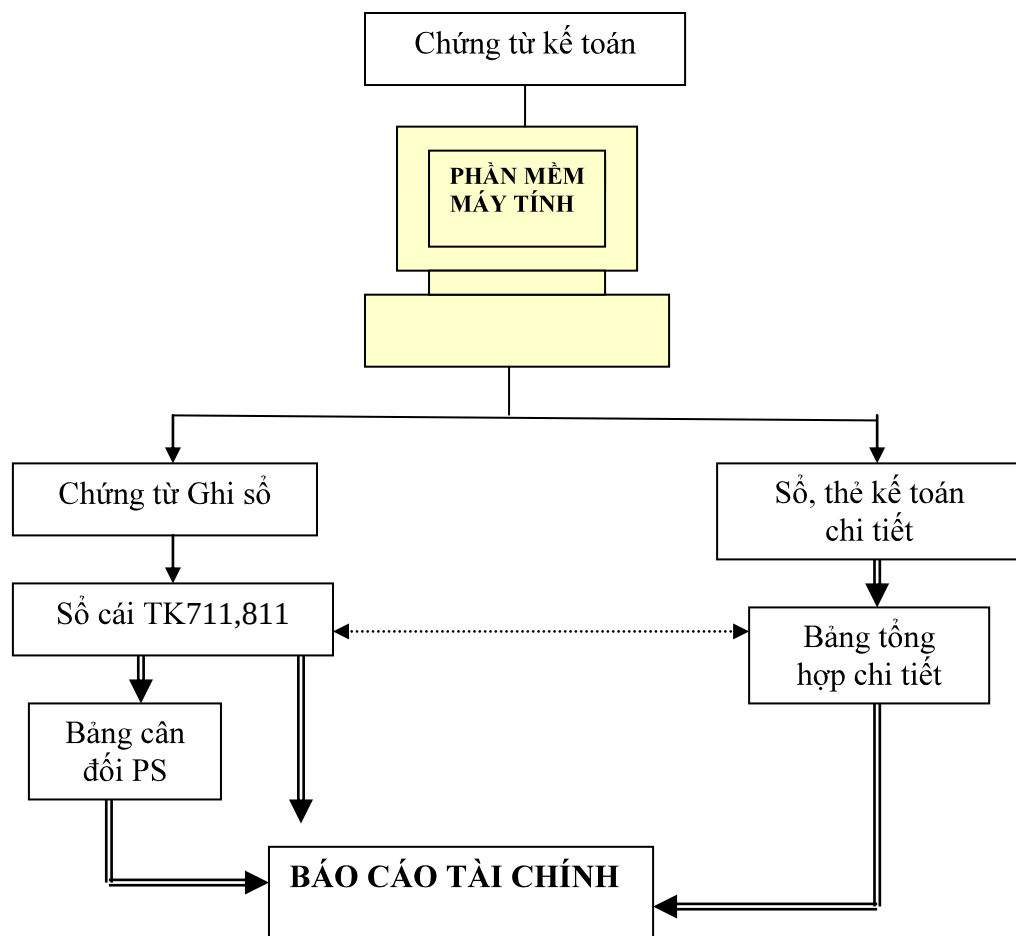
➤ *Tài khoản sử dụng:*

- TK 711 : Thu nhập khác.
- TK 811 : Chi phí khác.

➤ *Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Phiếu chi.
- Biên bản giao nhận tài sản cố định.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái TK 711, TK 811, TK133, TK331, TK111, TK131...

Sơ đồ 2.2.5: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác và chi phí khác



Ví dụ 8: Ngày 28/12/2010 Công ty nhượng bán 1 chiếc xe Sơ mi rơ mooc cho công ty thu gom phế liệu Hải Phòng. Xe 16R-1218 nguyên giá 340,000,000 đã khấu hao 228,635,277. Giá bán 112,380,953 thuế GTGT 10%

Căn cứ vào HĐGTGT số 47731 ngày 28/12/2010, kế toán tiến hành cập nhật thông tin vào máy tính để in ra phiếu thu. Các bước như sau: Kế toán mở giao diện phần mềm **IT-SOFT ERP** vào mục " **Phiếu kế toán**" và nhập các thông tin của chứng từ bao gồm:

Ngày chứng từ: 28/12/2010
Số chứng từ: 47731
Người thanh toán: Công ty thu gom phế liệu
Diễn giải: Nhượng bán TSCĐ
TK Nợ 131: 123,619,048
TK Có 711: 112,380,953
TK Có 33311: 11,238,095

Từ các thông tin kinh tế kế toán nhập vào máy, máy tính sẽ tự động cập nhật và phản ánh vào Sổ **Chứng từ ghi sổ**, **Sổ cái TK 711**, **Sổ cái TK811** và các sổ liên quan

Chọn F7 để in ra sổ sách có liên quan theo trình tự công việc của kế toán.

Minh họa bằng định khoản như sau:

a) Ghi giảm TSCĐ và phản ánh GTCL của TSCĐ.

Nợ TK811: 111,364,723
Nợ TK214: 228,635,277
Có TK211: 340,000,000

b) Phản ánh doanh thu thanh lý TSCĐ

Nợ TK131: 123,619,048
Có TK711: 112,380,953
Có TK3331: 11,238,095

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 28 tháng 12 năm 2010						Mẫu số: 01 GTKT -3LL PQ/2101B 47719														
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc..... Địa chỉ: 8/96 Hai Bà Trưng - Lê Chân - Hải phòng Số tài khoản: Điện thoại:0313.739.041.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 150px;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>9</td><td>5</td><td>4</td><td>0</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 50px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>							0	2	0	0	5	9	5	4	0	3				
0	2	0	0	5	9	5	4	0	3											
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Cty thu gom phế liệu Địa chỉ: Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CT.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 150px;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>3</td><td>6</td><td>8</td><td>7</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 50px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>							0	2	0	0	4	3	6	8	7					
0	2	0	0	4	3	6	8	7												
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền															
A	B	C	1	2	3=1x2															
1	Thanh lý xe 16R-1218	cái	1	112,380,953	112,380,953															
Cộng tiền hàng:					112,380,953															
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					11,238,095															
Tổng cộng tiền thanh toán					123,619,048															
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm hai ba triệu sáu trăm mười chín nghìn không trăm bốn mươi tám đồng /.</i>																				
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thị Hiên		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Phạm Thị Ngoan		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Hoàng Thị Vui																

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 711- Thu nhập khác

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng		TK đối ứng		
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
47719	28/12/2010	Thanh lý xe 16R-1218	131		112,380,953
PKC1012/ 0007	31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	911	112,380,953	
		Cộng phát sinh		112,380,953	112,380,953
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 811- Chi phí khác

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng		TK đối ứng		
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKT1012/ 0017	28/12/2010	Chi phí thanh lý xe 16R - 1218	211	111,364,723	
PKC1012/ 0008	31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác	911		111,364,723
		Cộng phát sinh		111,364,723	111,364,723
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

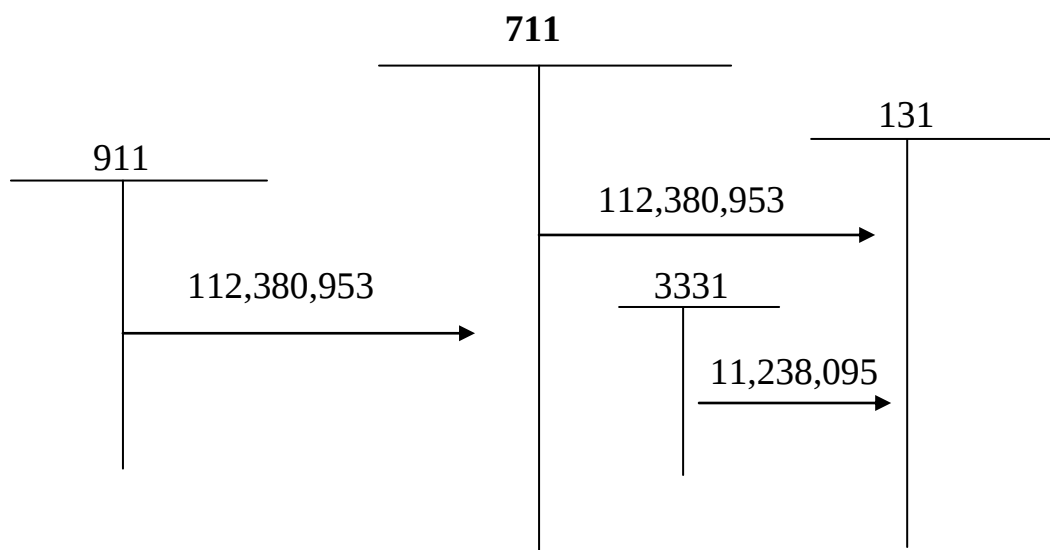
Kế toán ghi sổ

❖ **Công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

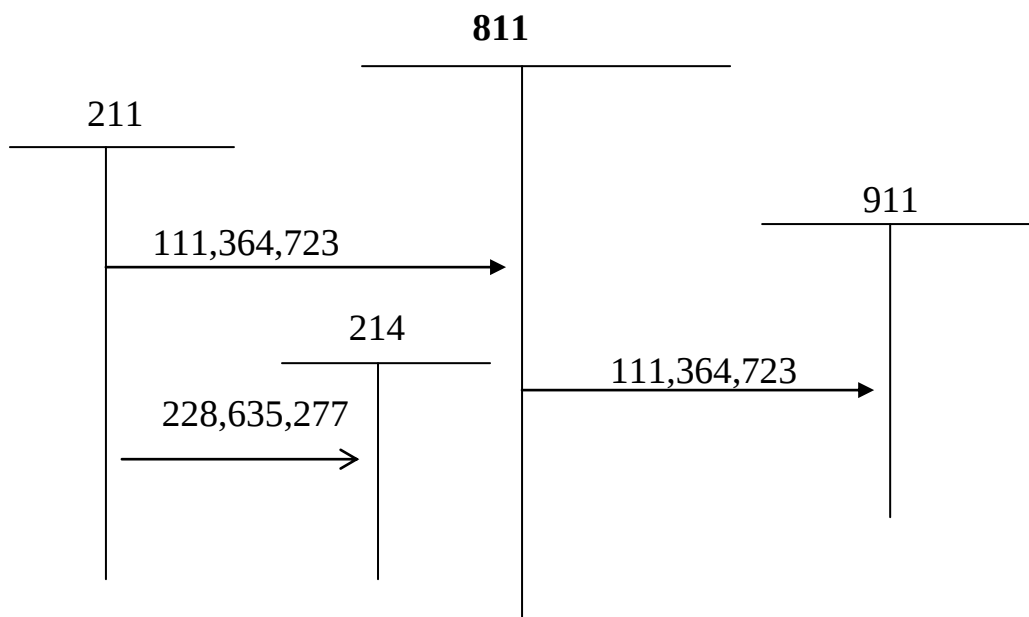
Để phản ánh thu nhập khác và chi phí khác công ty sử dụng TK 711, TK811 cho tất cả các hoạt động.

Từ số liệu trên sổ cái TK 711, 811, 131, 211 ...tháng 12/2010 của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc ta có sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tháng 12/2010 của Công ty như sau:

✚ **Công tác kế toán thu nhập khác**



✚ **Công tác kế toán chi phí khác**



2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

➤ Nguyên tắc hạch toán

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 6422, TK 811. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

+ Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”.

+ Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi và số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421.

➤ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau

$$\text{KQKD} = \text{DTT} - \text{CF} + \text{KQTC} + \text{LN khác}$$

Trong đó: **Chi phí** là chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả tài chính : là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (515) và chi phí tài chính (635).

Lợi nhuận khác : Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (711) và chi phí khác (811)

a) Kết chuyển chi phí

Nợ TK911:	874,340,418
Có TK 632:	704,436,130
Có TK 635:	14,755,000
Có TK 6422:	36,796,529
Có TK 811:	111,364,723

b) Kết chuyển giá vốn

Nợ 515:	761,766,100
Nợ 515:	193,365
Nợ 711:	112,380,953
Có TK 911:	874,340,418

c) Xác định số thuế phải nộp

Nợ TK 821:	1,747,009
Có TK 3334:	1,747,009

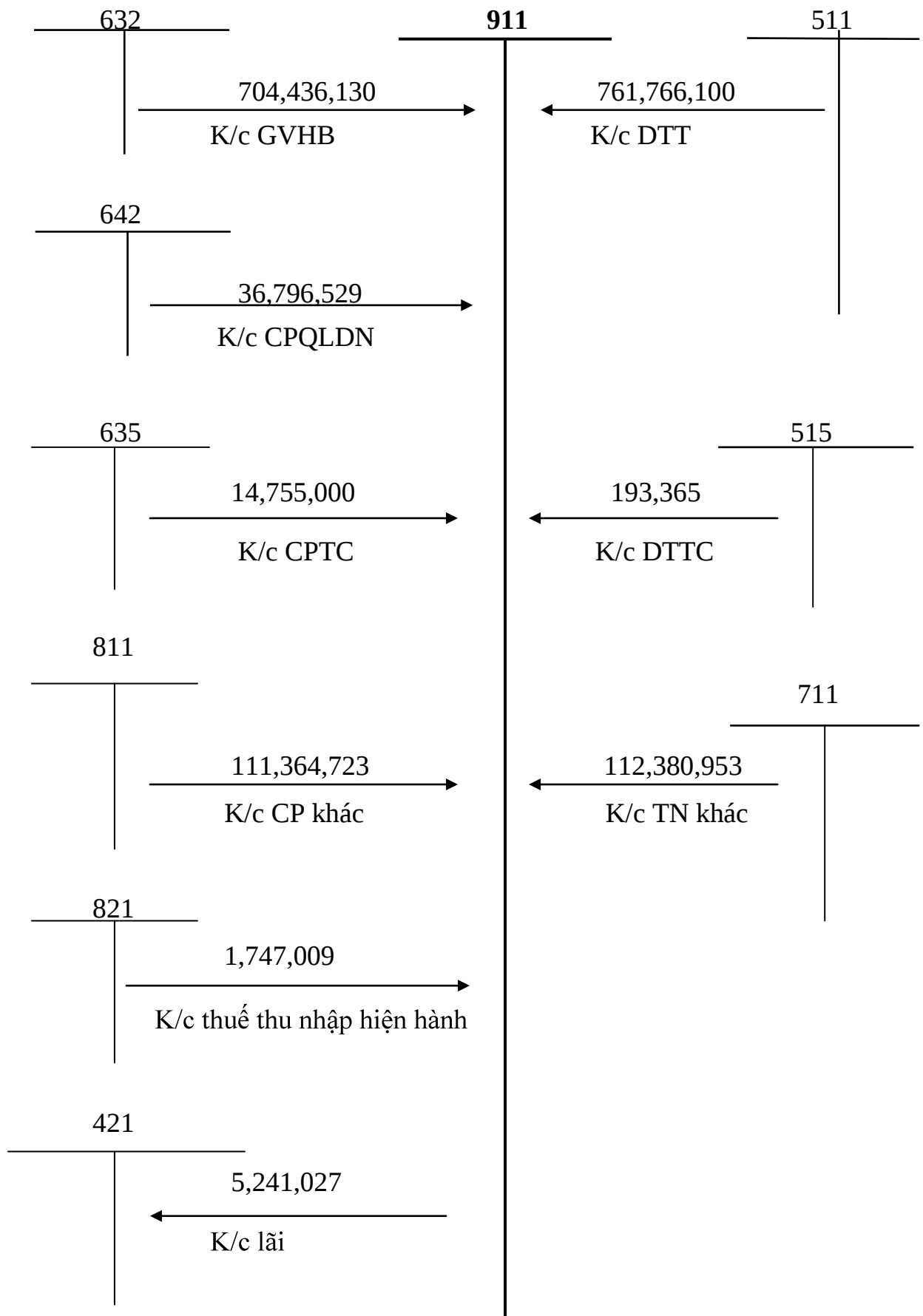
d) Kết chuyển thuế

Nợ TK911:	1,747,009
Có TK:821:	1,747,009

e) Kết chuyển lãi

Nợ TK 91:	5,241,027
Có 421:	5,241,027

2.2.6.1 Hạch toán xác định kết quả kinh doanh tháng 12/2010



**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKC1012/ 0005	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		761,766,100
PKC1012/ 0006	31/12/2010	Kết chuyển thu nhập tài chính	515		193,365
PKC1012/ 00010	31/12/2010	Kết chuyển thu nhập khác	711		112.380.953
PKC1012/ 0004	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn	632	704,436,130	
PKC1012/ 0008	31/12/2010	Kết chuyển chi phí kinh doanh	6422	36,796,529	
PKC1012/ 0007	31/12/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	635	14,755,000	
PKC1012/ 0011	31/12/2010	Kết chuyển chi phí khác	811	111.364.723	
PKC1012/ 0014	31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	821	1,747,009	
KT1012/ 732	31/12/2010	Kết chuyển lãi T12/2010	4212	5,241,027	
		Cộng phát sinh		874,340,418	874,340,418
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng		TK đối ứng		
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PKT1012/ 0011	31/12/2010	Xác định thuế thu nhập phải nộp	3334	1,747,009	
PKC1012/ 0011	31/12/2010	Kết chuyển thuế thu nhập phải nộp	911		1,747,009
		Cộng phát sinh		1,747,009	1,747,009
		Số dư cuối kỳ			

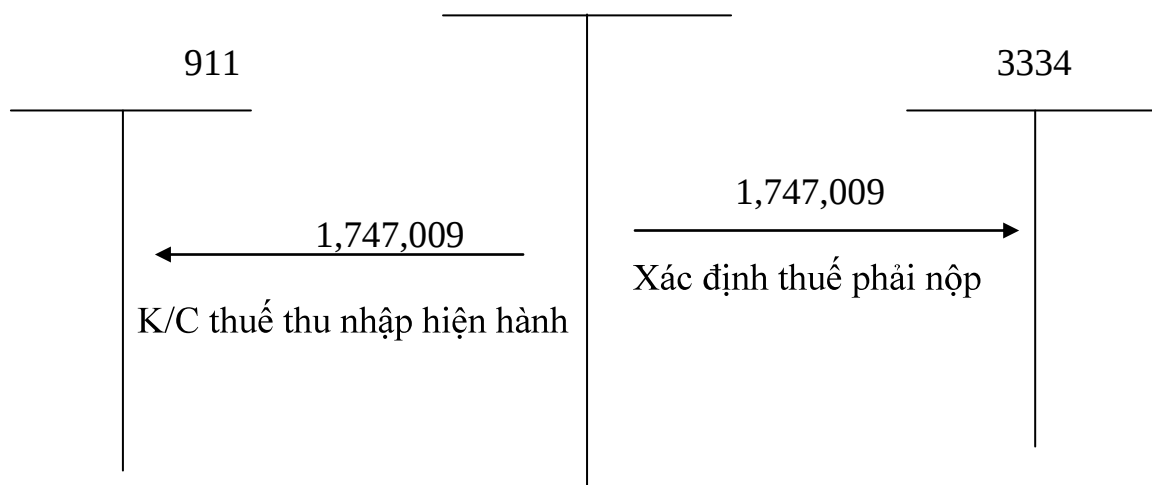
Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

2.2.6.2 Hạch toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 821



**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			53,140,996
		Số phát sinh			
PKT1012/ 0013	31/12/2010	Lợi nhuận chưa phân phối	911		5,241,027
		Cộng phát sinh			5,241,027
		Số dư cuối kỳ			58,382,023

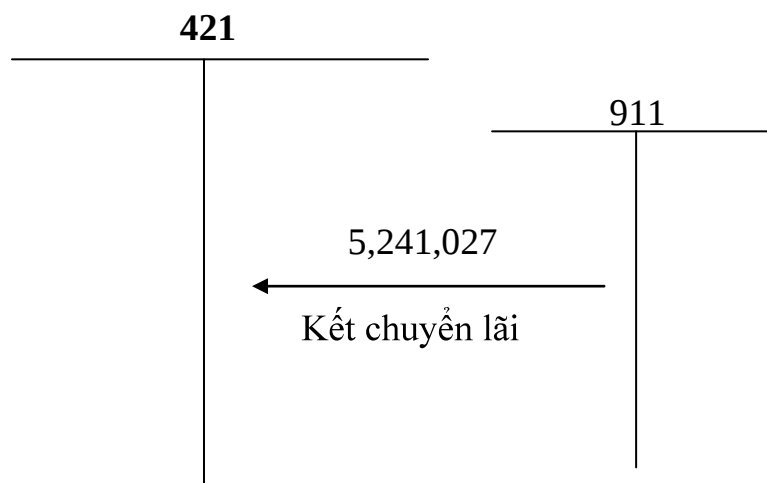
Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

2.2.6.3 Hạch toán xác định lợi nhuận chưa phân phối



2.3 Tổ chức lập báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một báo cáo kế toán tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số B-02/DNN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9,141,192,096	8,417,755,977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	9,141,192,096	8,417,755,977
4. Giá vốn hàng bán	11	8,357,233,674	7,079,499,778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	783,958,422	1,338,256,199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,484,388	1,780,586
7. Chi phí tài chính	22	299,128,489	506,528,854
- Chi phí lãi vay:	23	299,128,489	506,528,854
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	441,558,343	788,950,514
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	45,755,978	44,557,417
10. Thu nhập khác	31	112,380,953	301,904,762
11. Chi phí khác	32	111,364,723	304,744,443
12. Lợi nhuận khác	40	1,016,230	-2,839,681
13. Tổng lợi nhuận trước thuế	50	46,772,208	41,717,736
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	11,693,052	10,429,434
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60	35,079,156	31,288,302

Ngày ...tháng....năm

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI - THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc

3.1.1 Đánh giá chung

Sau thời gian thực tập tại phòng tài chính kế toán của công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc, em được tìm hiểu, tiếp xúc với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty nói riêng em nhận thấy công tác quản lý cũng như công tác kế toán đã tương đối hợp lý song bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề chưa phù hợp.

Công ty mới thành lập và vẫn còn non trẻ nên không tránh khỏi gặp những khó khăn nhưng nhờ sự phát triển của nền kinh tế nước ta Công ty đã không ngừng phát triển về hệ thống quản lý mà ngay cả bộ phận kế toán cũng ngày càng được hoàn thiện hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Công ty đã không ngừng cung cấp và mang đến cho khách hàng những dịch vụ vận chuyển tận tình, chu đáo với gói cước phải chăng. Vì vậy doanh thu hàng năm của Công ty đang tăng dần lên mặc dù tốc độ tăng chưa cao nhưng cũng khẳng định được sự cố gắng của Công ty.

Công ty đã nghiêm chỉnh thực hiện các khoản nghĩa vụ phải nộp vào ngân sách nhà nước đúng, đủ, không nợ đọng, thực hiện tiết kiệm triệt để. Nằm trong hệ thống kế toán doanh nghiệp kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là một phần hành kế toán quan trọng. Phần này không chỉ có ý nghĩa với doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xác định các loại thuế (TTĐB, VAT, TNDN...) mà doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ phải nộp với nhà nước. Chính vì vậy phần hành kế toán này rất được chú trọng trong việc tổ chức hạch toán, quản lý hạch toán chứng từ ban đầu đến báo cáo cuối cùng.

3.1.2. Một số ưu điểm của Công ty.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc đã không ngừng phấn đấu để đạt được mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng, đặc biệt là khâu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không ngừng được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu kinh doanh lĩnh vực dịch vụ.

❖ ***Ưu điểm về tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức bộ máy kế toán.***

➤ ***Về tổ chức kinh doanh dịch vụ của công ty:*** Ngành dịch vụ trở thành nhu cầu không thể thiếu trong quá trình mở cửa và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam. Đón đầu xu thế với tư cách là một công ty cung cấp các dịch vụ vận chuyển, Minh Phúc đã không ngừng mở rộng thị trường đầu tư nâng cấp mạng lưới dịch vụ, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ. Nhờ đó mà doanh thu hàng năm của công ty không ngừng nâng cao.

Doanh thu của công ty ngày càng tăng trong những năm gần đây:

Năm 2008: 7,965,235,456

Năm 2009: 8,417,755,977

Năm 2010: 9,141,192,096

➤ ***Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh dịch vụ:*** Các bộ phận, phòng ban trong công ty có chức năng tham mưu, giúp quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh, chăm lo đời sống cho cán bộ - công nhân viên trong công ty. Việc phân công công việc rõ ràng sẽ giúp giảm quá tải cho giám đốc, chuyên môn hoá chức năng quản lý.

➤ ***Về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:*** Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty gọn nhẹ, là những người có kinh nghiệm, thông thạo chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán.

❖ ***Ưu điểm về công tác kế toán nói chung:***

- **Về trình tự hạch toán:** Nhìn chung công tác kế toán của công ty đã đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng nhu cầu hạch toán, phản ánh được tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn ..., xác định đúng doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- **Về chứng từ sử dụng:** Hệ thống chứng từ sử dụng trong công ty nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành. Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ chung được tổ chức, xử lý và ghi chép trên phần mềm kế toán **IT SOFT ERP** phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh dịch vụ của công ty. Với hình thức này đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận, xử lý thông tin, đồng thời cùng với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý.
- **Về sổ sách sử dụng:** Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.
- **Về tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định của Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán thống nhất trên cả nước.
- **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển, Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc đã hoàn thành dần công tác hạch toán kế toán của mình. Minh Phúc là một đơn vị nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay

đổi về chế độ kế toán và đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

➤ ***Về công tác kế toán doanh thu:***

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng nên công tác hạch toán doanh thu tại công ty hiện nay luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác. Được sự hỗ trợ của hệ thống máy vi tính nên phần lớn doanh thu đều được hạch toán và theo dõi chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Theo định kỳ, kế toán trưởng cùng các nhân viên trong phòng kế toán luôn luôn kiểm tra số liệu báo cáo và đối chiếu với các chứng từ gốc của những khoản thu về và chi ra. Đây là cách làm rất tốt để kiểm tra tài chính và xử lý kịp thời các số liệu tại công ty.

➤ ***Về công tác kế toán chi phí:*** Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết tất cả các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi theo từng khoản mục để kiểm soát một cách chặt chẽ.

➤ ***Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*** Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung

cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép và phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công

3.1.3 Một số hạn chế của công ty

- Hiện nay công ty thực hiện cung cấp dịch vụ vận tải, tuy nhiên công ty lại chưa tổ chức được đội xe vận tải. Khi có hợp đồng chở hàng, công ty đi thuê xe của công ty khác về để vận tải. Điều này khiến cho việc vận tải không được

chủ động, có thể chậm trễ nếu không thuê được xe. Vì vậy nó sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty và uy tín của công ty. Hơn nữa, công ty có hoạt động cho thuê kho lưu hàng khi hàng hoá đến hoặc hàng hoá chờ phương tiện đi xuất khẩu. Bởi vậy, việc chủ động đội xe vận tải có lợi rất nhiều cho công ty. Việc đi thuê xe vận tải này về lâu dài là không thể duy trì hoạt động, bởi tính ra lợi nhuận từ hoạt động này mang lại không cao.

- Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy mạnh tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

- Công ty vẫn sử dụng TK642 - chi phí quản lý doanh nghiệp. Việc hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty đang áp dụng theo chế độ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ tài chính. Việc này không đúng theo chế độ và quy định của Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 mà hiện nay công ty đang áp dụng.

- Công ty chưa phản ánh tính kịp thời, đúng thời gian quy định các hóa đơn GTGT mua hàng. hằng ngày lái xe của công ty mua dầu phục vụ cho quá trình vận chuyển hàng hóa cho khách hàng nhưng nhiều khi hóa đơn không được lái xe tập hợp về phòng ban kế toán để kế toán tiến hành ghi sổ dẫn đến việc chậm trễ thu gom hóa đơn chứng từ nhiều khi hóa đơn mua hàng phát sinh trong tháng này nhưng tới tháng sau mới được kế toán cập nhật vào phần mềm vì vậy sẽ ảnh hưởng đến việc tạm xác định kết quả kinh doanh hàng tháng của công ty.

- Hiện nay trên địa bàn thành phố hải phòng có không ít các công ty được thành lập chuyên kinh doanh về lĩnh vực vận chuyển - thương mại đang cạnh

tranh rất mạnh và đó cũng là những thách thức rất lớn mà công ty sẽ gặp phải trong tương lai sắp tới

- Việc lập báo cáo tài chính của công ty không được thực hiện đầy đủ, cụ thể là kế toán không lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Việc này không đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán

3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ của mình, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của công ty. Tuy nhiên những tồn tại là tất yếu trong bất kỳ một bộ phận nào kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán luôn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ lỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho kinh doanh đến khâu tổ chức bán hàng. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao

động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc em đã tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thực trạng công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Em nhận thấy công ty đã thực hiện khá tốt công tác kế toán này, đáp ứng được yêu cầu quản lý, phù hợp với đặc điểm của công ty và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số điểm hạn chế, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh tại Công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

Thứ nhất: Các biện pháp để khắc phục việc thiếu phương tiện vận tải

Để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và để không phải thụ động khi khách hàng yêu cầu công ty lên mua thêm xe vận tải và tuyển thêm một đội lái xe có kinh nghiệm tay nghề cao nhằm phục vụ việc vận chuyển của công ty tránh được tình trạng thiếu phương tiện vận tải khi khách hàng có nhu cầu vận chuyển, đồng thời lấy được niềm tin, tạo uy tín với khách hàng.

Công ty có thể sử dụng nguồn vốn đi vay để mua thêm phương tiện vận tải, vốn vay có thể là vay ngắn hạn hoặc có thể là vay dài hạn nhưng để mua sắm phương tiện vận tải thì công ty lên sử dụng nguồn vốn vay dài hạn để phục vụ việc mua sắm tài sản cố định khi đó kế toán sẽ ghi tăng nguồn vốn vay và khai báo tăng tài sản cố định. Căn cứ vào hợp đồng vay vốn kế toán nhập số liệu vào phần mềm khai báo tăng tài sản cố định

Thứ hai: Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản trong hệ thống kế toán

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính thì chi phí quản lý kinh doanh có tài khoản là 642. Chi tiết cho tài khoản này là TK6421- Chi phí bán hàng, TK6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp vẫn sử dụng tài khoản 642 theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Mặc dù nó không ảnh hưởng gì đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp nhưng đã vi phạm chế độ quy định của Bộ tài chính về hệ thống tài khoản. Để tuân thủ theo đúng quy định và chế độ Công ty nên sử dụng TK6422 theo dõi cho tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thứ ba: hạn chế tối đa những chi phí không cần thiết và phân bổ chi phí một cách hợp lý.

Để xác định kết quả kinh doanh được chính xác thì công tác quản lý tất cả các chi phí của doanh nghiệp phải thực hiện một cách chặt chẽ nhằm giảm tối đa

các khoản chi phí để tăng lợi nhuận cho Công ty. Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển đầy đủ, kịp thời theo nhu cầu của khách hàng, tăng doanh thu bán hàng, giảm thiểu chi phí không cần thiết tạo ra lợi nhuận cao. Do chi phí chính phục vụ cho quá trình vận chuyển của Công ty chủ yếu là chi phí xăng, dầu và nâng hạ. Vì vậy Công ty cần phải xây dựng định mức về xăng dầu cho mỗi chuyến xe tránh tình trạng lái xe khai tăng chi phí xăng, dầu nếu như không kiểm soát được dẫn đến chi phí của công ty tăng lên ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty làm cho lợi nhuận của Công ty giảm xuống. Ví dụ: Đối với xe chở hàng hóa Công ty nên định mức tiêu hao xăng dầu là 0.35 - 0,4 lít/km .Do đó việc hoàn thiện kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho Công ty có thể quản lý và hoạt động đạt hiệu quả cao hơn.

Thứ tư: Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng được hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm hơn so với quy định.

Hiện nay tình hình tài chính của công ty cho thấy rằng khoản “ Nợ phải thu” của công ty đến thời điểm ngày 31/12/2010 là 934,664,912 - một con số khá cao so với Tổng tài sản của Công ty nên nó có ảnh hưởng lớn đến tình hình quay vòng vốn của công ty. Mặt khác vốn của công ty bị khách hàng chiếm dụng quá nhiều nên công ty phải đi vay vốn để mà thanh toán với nhà cung cấp và mua tài sản cố định.

Theo em để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu theo thời gian.

- Nếu khách hàng trả tiền trước khi vận chuyển hàng hóa thì được hưởng chiết khấu là 0.2% / Tổng tiền hàng .
- Nếu khách hàng thanh toán tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành xong dịch vụ vận chuyển thì được hưởng mức chiết khấu 0.1% / Tổng tiền hàng.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính” như sau:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng)

Có TK 131, 111, 112,...

Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Ví dụ : Ngày 15/12/2010, tiền phải thu Công ty CP XNK thực phẩm công nghiệp Hải Phòng là 138,050,000đ. Nếu Công ty CP XNK thực phẩm công nghiệp Hải Phòng thanh toán tiền hàng trước khi vận chuyển hàng hóa thì Công ty sẽ được hưởng mức chiết khấu là 0.2%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: $138,050,000 \times 0.2\% = 276,100 \text{ đ}$

Số tiền công ty thực thu : 137,773,900 đ

Nếu khách hàng thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ khi dịch vụ vận chuyển được hoàn thành thì công ty đó sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 0.1%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: $138,050,000 \times 0.1\% = 138,050$

Số tiền công ty thực thu : 137,911,950 đ

Nếu Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc không có chính sách chiết khấu thanh toán thì sau khi vận chuyển xong hàng hóa Công ty CP thực phẩm công nghiệp Hải Phòng mới thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận ban đầu như vậy nó sẽ ảnh hưởng đến vòng quay vốn của Công ty. Trong trường hợp Công ty cần tiền để mua thêm phương tiện vận tải và trả tiền cho nhà cung cấp nhưng do không đủ tiền Công ty phải vay ngân hàng, phải trả lãi tiền vay cho ngân hàng và thủ tục vay ngân hàng kéo dài dẫn đến việc mua phương tiện vận tải bị chậm trễ ảnh hưởng thời gian vận chuyển nếu không vận chuyển kịp thời Công ty sẽ bị vi phạm hợp đồng và phải bồi thường hợp đồng. Đồng thời mất niềm tin với khách hàng và nhà cung cấp.

Sau khi định khoản, kế toán nhập số liệu vào phần mềm thông qua mục Chứng từ khác. Phần mềm sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ sách liên quan như sổ Chứng từ ghi sổ, sổ Cái TK 635,...

Chọn F7 để in ra sổ Cái TK 635 như sau:\

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI -
THƯƠNG MẠI MINH PHÚC**
8/96 Hai Ba Trưng- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Chứng từ ghi sổ)

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản: 635- Chi phí hoạt động tài chính

Đvt: VNĐ

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS NỢ	PS CÓ
Số hiệu	Ngày, tháng				
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
PHT12/16	23/12/2010	Chiết khấu thanh toán cho CT thực phẩm HP	131	276,100	
....	...		...	...	
UNC1012/ 013	27/12/2010	Trả lãi tiền vay	1121CT	250,200	
PKC1012/ 0010	31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		229,128,489
		Cộng phát sinh		229,128,489	229,128,489
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng....năm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Thứ năm: Thu gom chứng từ đúng và kịp thời gian

Công ty phải nhắc nhở lái xe tập hợp chứng từ về phòng ban kế toán để đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đúng thời gian quy định theo yêu cầu của kế toán tài chính giúp cho việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được chính xác.

Thứ sáu: Đề xuất mở rộng quy mô sản xuất cạnh tranh với các công ty khác trên địa bàn

Trên địa bàn thành phố Hải Phòng có rất nhiều công ty kinh doanh về lĩnh vực vận tải đang cạnh tranh rất mạnh cho nên Công ty TNHH vận tải – thương mại Minh Phúc cần có những biện pháp để thu hút khách hàng bằng cách tạo uy tín cho khách hàng, vận chuyển hàng hóa kịp thời, không bị hỏng hóc, phục vụ nhiệt tình, cước vận chuyển phải chăng nhưng quan trọng nhất là phải lấy được niềm tin của khách hàng. Bằng cách công ty mở rộng quy mô phát triển của mình không chỉ trong phạm vi địa bàn thành phố Hải Phòng mà phải mở rộng đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước, ngoài ra công ty cần phải lựa chọn một đội quân lái xe nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc. Doanh nghiệp làm sao phải mang được tất cả các hợp đồng vận chuyển về cho công ty của mình như vậy mới thu được lợi nhuận cao trong tương lai. Muốn làm được điều đó công ty phải có nguồn vốn lớn và biết cách quản lý, biết cách kinh doanh.

- Công ty phải tăng nguồn vốn chủ sở hữu
- Vay vốn ngân hàng để mở rộng quy mô.
- Tuyển chọn nhân viên lái xe có tay nghề, có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc.
- Có những biện pháp làm cho khách hàng hài lòng như là: Bảo hiểm hàng hóa cho khách hàng. Nếu hàng hóa trong quá trình vận chuyển bị hỏng hóc Công ty sẽ bồi thường hoặc nếu không vận chuyển kịp thời, đúng thời gian Công ty cũng sẽ phải bồi thường theo thỏa thuận.

Thứ bảy: Về việc lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy một tóm lược dòng tiền trong một thời kỳ. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay còn gọi là báo cáo dòng tiền hay báo cáo nguồn vốn và sử dụng nguồn, thể hiện cách nhìn về dòng tiền hoạt động, dòng tiền đầu tư, và dòng tiền tài trợ.

Hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí mà bản chất là quá trình tiêu thụ hàng hóa một phần được thể hiện trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qua các chỉ tiêu như: Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

Năm 2010 là năm công ty mới lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty nên tiếp tục lập để có số liệu so sánh, từ đó thấy rõ hơn sự luân chuyển của dòng tiền, giúp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hiệu quả hơn, giúp chủ doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình thực tế và đưa ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Thứ tám: Dùng mạng kết nối, liên lạc nội bộ trong doanh nghiệp

Để biết một thông tin nào đó của nhau thì chúng ta chỉ cần gửi thông tin đó qua hệ thống mạng nội bộ mà không cần trực tiếp đi đến tận nơi làm việc của nhau thông qua hệ thống mail nội bộ.. Bằng cách này sẽ giúp rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả công việc.

KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của đất nước và đổi mới sâu sắc về cơ chế quản lý kinh tế tài chính, hệ thống kế toán - kiểm toán doanh nghiệp cũng từng bước phát triển phù hợp với cơ chế quản lý, tiến trình cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế. Vì vậy mỗi doanh nghiệp muốn phát triển tốt cần phải có một hệ thống kế toán hoàn chỉnh, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Để cạnh tranh thắng lợi trong cơ chế thị trường Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc luôn quan tâm, tìm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh và đặc biệt chú trọng các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua thời gian tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc kết hợp với lý thuyết đã được học ở trường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế nên em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Trong bài khóa luận em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhỏ đóng góp vào việc hạch toán kế toán tại Công ty nhưng do thời gian và trình độ có hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được đóng góp ý kiến của các thầy cô và các anh chị trong phòng ban kế toán của Công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thanh Tra - Dương Văn Biên đã giúp đỡ em trong suốt quá trình làm khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên: Phạm Thị Toan

Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình kế toán tài chính - Trường Đại học Tài chính - Kế toán HN 1999
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
3. Chế độ Kế toán doanh nghiệp - Hướng dẫn về chứng từ Kế toán và sổ kế toán, sơ đồ kế toán năm 2006 (quyển 2)
4. Chế độ Kế toán doanh nghiệp - Hệ thống tài khoản kế toán (quyển 1)
5. Giáo trình kế toán tài chính - Học viện tài chính
6. Thuế và kế toán (8/1998)0- TS. Vũ Công Ty, PGS. TS. Ngoo Thees Chi
7. Những quy định pháp luật mới nhất về thuế năm 2009
8. Kế toán thương mại - Trường ĐH Thương mại Hà Nội.
9. Hướng dẫn lập chứng kế toán, Hướng dẫn ghi sổ kế toán - Chủ nhiệm Nguyễn Thanh Tùng - NXB Tài chính - năm 2005
10. Kế toán các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ - TS. Nguyễn Phú Giang. NXB Tài chính - năm 2004
11. Tài liệu nội bộ của Công ty TNHH vận tải - thương mại Minh Phúc
12. Trang: web ketoan.vn

